Tỉnh/thành phố:	Hải Phòng	Quận/huyện/thị xã:		Xã/phường/thị trấn:

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG BTXH

STT	Họ tên	Ngày sinh(nn/tt/nnn)	Thôn	Địa chỉ chi tiết	Phân loại đối tượng hưởng	Số tiền	Giới tính	Dân tộc
[1]	[3]	[4]		[7]	[8]	[9]	[16]	[17]
1	Đặng Thị Hiền	01/04/1950	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
2	Đỗ Phương Dẫn	01/01/1949	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
3	Vũ Thị Cúc	20/01/1946	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
4	Trương Thị Hồng	25/06/1946	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
5	Dương Thị Quến	01/01/1948	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
6	Phạm Quang Vinh	01/01/1950	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
7	Tăng Thị Đơn	18/05/1946	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
8	Vũ Thị Thiêm	26/08/1947	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
9	Phạm Văn Nhất	27/3/1985	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
10	Nguyễn Thị Hiệp	30/5/1978	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
11	Vũ Văn Chung	8/2/1968	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
12	Đỗ Xuân Đức	20/8/1956	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
13	Nguyễn Thị Quyên	21/7/1970	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
14	Nguyễn Thị Bốn	1/1/1963	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
15	Dương Quốc Vấn	3/9/1965	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
16	Vũ Đình Tuấn	20/6/1990	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
17	Trần Thị Ngoãn	21/12/1956	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
18	Trần Thị Len	17/7/1982	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
19	Nguyễn Đức Công	1/1/1936	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
20	Nguyễn Thị Bình	13/4/1942	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
21	Nguyễn Thị Quang	1/1/1942	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
22	Nguyễn Ngọc Ban	15/11/1938	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
23	Nguyễn Thị Vân	1/1/1939	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
24	Trần Thị Bẻo	6/4/1922	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
25	Nguyễn Thị Thập	15/10/1941	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
26	Vũ Đức Tuyên	15/04/1940	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
27	Nguyễn Thị Thính	01/01/1940	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
28	Nguyễn Thị Tý	01/01/1945	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
29	Phạm Văn Thuấn	27/10/1990	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
30	Phạm Thị Thành	1/1/1963	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
31	Trần Thị Nghĩa	1/9/1958	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
32	Phạm Văn Toàn	5/3/1963	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
33	Nguyễn Trung Sơn	10/1/1955	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
34	Phạm Thị Cải	1/1/1932	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
35	Phạm Thị Hiền	01/01/2008	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
36	Nguyễn Thị Lương	5/8/1959	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
37	Vũ Thị Toan	5/10/1966	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
38	Vũ Minh Thuật	28/5/1965	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
39	Trần Anh Quân	26/02/2012	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
40	Trần Xuân Báu	13/3/1958	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
41	Lê Thị Tẫn	28/4/1956	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
42	Phạm Văn Cần	3/3/1957	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)

43	Trần Thị Khuyên	1/1/1957	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
44	Vũ Đình Việt	3/9/1963	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
45	Đặng Thị Me	10/9/1951	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
46	Phạm Văn Khánh	01/01/1948	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
47	Dương Thị Mai	01/01/1960	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
48	Vũ Thị Hiền	02/9/1958	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
49	Dương Văn Thuyết	10/4/1986	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
50	Vũ Thị Tươi	8/10/1972	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
51	Nguyễn Minh Hải	22/5/1994	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
52	Phạm Xuân Thịnh	3/1/1971	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
53	Trần Hải Đăng	18/9/2007	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
54	Đỗ Thị Nhường	20/3/1985	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
55	Nguyễn Hoa Kỳ Diệu	18/10/2012	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
56	Phạm Nguyễn Phương Lan	24/9/2019	An Phú	Bình Giang	Trẻ em từ 4 đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
57	Trần Thị Mơ	03/4/1950	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
58	Phạm Xuân Quý	01/01/1947	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
59	Nguyễn Văn Luân	02/02/1947	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
60	Nguyễn Văn Thắng	10/09/1948	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
61	Trần Văn Cậy	01/01/1950	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
62	Lê Thị Huệ	16/06/1948	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
63	Trần Văn Tuệ	01/05/1982	Bá Hợp	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
64	Lê Thị Chiến	10/07/1962	Bá Hợp	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
65	Phạm Thị Miền	18/12/1961	Bá Hợp	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
66	Trần Văn Tuệ	01/05/1982	Bá Hợp	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
67	Nguyễn Văn Bính	16/01/1986	Bá Hợp	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
68	Nguyễn Thị Ngát	01/5/1965	Bá Hợp	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 60-80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc có nhưng chết/mất tích/ly hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
69	Trần Thị Lịch	02/6/1945	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
70	Vũ Đức Du	22/12/1941	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
71	Nguyễn Thị Huyên	15/01/1943	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
72	Hoàng Công Mạch	07/10/1941	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
73	Nguyễn Văn Phan	01/01/1944	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
74	Nguyễn Thị Xích	01/02/1941	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
75	Nguyễn Thị Nhỡ	05/02/1939	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
76	Vũ Thị Sản	28/8/1935	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
77	Nguyễn Thị Chuột	23/10/1940	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
78	Vũ Thị Hiện	01/01/1937	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
79	Vũ Thị Nháng	1/1/1939	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
80	Trần Thị Lục	02/03/1941	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
81	Nguyễn Thị Đậu	03/03/1940	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
82	Hà Thị Mơ	10/02/1940	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
83	Nguyễn Văn Vũ	05/03/1940	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
84	Trần Xuân Luyện	10/01/1940	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
85	Nguyễn Thị Vui	01/01/1932	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
86	Vũ Thị Nhánh	17/10/1933	Bá Hợp	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
87	Trần Văn Bệu	01/01/1954	Bá Hợp	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
88	Nguyễn Khánh Dư	23/01/2014	Bá Hợp	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
89	Hà Văn Cát	27/05/1992	Bá Hợp	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)

90	Trần Hoàng Anh	19/07/2005	Bá Hợp	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
91	Phạm Đình Nghị	26/04/1962	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
92	Trần Thị Hợi	06/04/1959	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
93	Phạm Thị Đợi	01/01/1935	Bá Hợp	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
94	Hà Văn Hạ	08/07/1963	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
95	Vũ Đình Quí	17/01/1955	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
96	Vũ Thị Ân	01/011951	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
97	Vũ Đức Tranh	01/01/1954	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
98	Đinh Thị Riêng	1/1/1955	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
99	Nguyễn Thị Với	11/10/1955	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
100	Vũ Thị Băng	12/01/1951	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
101	Hoàng Công Lạc	10/10/1945	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
102	Nguyễn Thị Nép	01/01/1952	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
103	Đỗ Thị Hường	30/09/1963	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
104	Nguyễn Văn Đăng	01/08/1969	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
105	Nguyễn Văn Thám	20/07/1970	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
106	Hà Văn Linh	15/12/1968	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
107	Vũ Thị Hậu	20/06/1986	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
108	Trần Văn Tân	12/01/1992	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
109	Đỗ Văn Lê	10/11/1976	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
110	Hà Thị Thoan	1/1/1956	Bá Hợp	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 60-80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc có nhưng chết/mất tích/ly hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
111	Vũ Thị Dậu	14/12/1958	Bá Hợp	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 60-80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc có nhưng chết/mất tích/ly hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
112	Vũ Thị Hạt	01/01/1957	Bá Hợp	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 60-80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc có nhưng chết/mất tích/ly hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
113	Lê Duy Nam	29/8/2016	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
114	Hà Đức Khang	20/8/2008	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
115	Ngô Thị Mơ	01/01/1946	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
116	Đỗ Thị Xuân	10/06/1946	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
117	Vũ Xuân Thơm	20/08/1947	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
118	Nguyễn Thị Thỏa	03/08/1948	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
119	Phạm Thị Thúy	01/01/1948	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
120	Lê Văn Luyến	08/04/1949	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
121	Nguyễn Quang Trung	10/01/1950	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
122	Phan Thị Mão	01/01/1950	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
123	Nguyễn Văn Quyền	23/02/1950	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
124	Nguyễn Hồng Phang	12/05/1950	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
125	Lê Văn Lực	10/02/1950	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
126	Nguyễn Văn Tiếu	25/06/1946	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
127	Nguyễn Văn Hồng	23/04/1950	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
128	Nguyễn Thị Tạo	08/08/1945	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
129	Nguyễn Thị Mỵ	01/02/1950	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
130	Nguyễn Văn Thông	02/08/1948	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
131	Nguyễn Văn Nhân	10/07/1950	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
132	Nguyễn Văn Điểm	17/07/1946	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
133	Lê Thị Khin	01/01/1947	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
134	Lê Văn Xuyên	01/04/1951	Bá Hợp	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
135	Nguyễn Văn Việt	20/6/1971	Bá Hợp	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
136	Phạm Thị Hội	01/01/1960	Bá Hợp	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

137	Trần Thị Lộc	10/07/1934	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
138	Lê Thị Chén	01/07/1940	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
139	Lê Văn Thanh	1/1/1940	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
140	Vũ Thị Trường	01/02/1937	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
141	Nguyễn Văn Bản	10/08/1933	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
142	Lê Văn Thuận	01/01/1942	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
143	Vũ Thị Đinh	22/08/1939	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
144	Trần Thị Đinh	06/05/1940	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
145	Lê Hồng Hỹ	12/11/1943	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
146	Phạm Thị Thành	01/01/1942	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
147	Lê Thị Nụ	09/05/1943	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
148	Vũ Xuân Ngũ	15/03/1935	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
149	Vũ Thị Mùi	01/01/1939	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
150	Nguyễn Thị Nhàn	01/01/1944	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
151	Nguyễn Chí Thậm	05/04/1938	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000		Kinh (Việt)
152	Trần Thị Tý	20/08/1935	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
153	Nguyễn Văn Chạc	2/3/1932	Bá Hợp	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
154	Nguyễn Văn Dân	03/11/1957	Bá Hợp	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
155	Vũ Xuân Đến	01/03/1933	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
156	Lê Thị Khuyên	04/08/1932	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
157	Nguyễn Thị Diễm	10/07/1928	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
158	Lê Văn Bống	25/02/1960	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
159	Trần Thị Cấp	1/1/1943	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
160	Nguyễn Thị Mái	28/08/1948	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
161	Nguyễn Văn Lương	01/01/1960	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
162	Vũ Đăng Dương	7/2/2017	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
163	Nguyễn Khánh Ngọc	21/05/2021	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
164	Nguyễn Văn Tú	10/11/1991	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
165	Lê Văn Đảm	01/10/1979	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
166	Nguyễn Văn Thắm	1/1/1969	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
167	Nguyễn Thị Hương	13/1/1971	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
168	Lê Thị Tuyết	09/09/1989	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
169	Trần Văn Đô	25/08/1966	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
170	Trần Thị Tuyết	28/12/1971	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
171	Nguyễn Thị Thu	05/10/1982	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
172	Nguyễn Văn Nhị	22/10/1987	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
173	Lê Thị Hương	20/02/1955	Bá Hợp	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 60-80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc có nhưng chết/mất tích/ly hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
174	Phạm Văn Ba	27/03/1947	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
175	Lê Thị Lừng	05/03/1949	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
176	Hà Thị Vân	16/06/1950	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
177	Đặng Xuân Túc	04/03/1950	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
178	Vũ Thị Điền	02/05/1946	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
179	Đặng Xuân Thực	02/10/1949	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
180	Phạm Quyết Chiến	01/01/1948	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
181	Dương Thị Định	17/07/1945	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
182	Nguyễn Thị Duyên	01/01/1949	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
183	Vũ Thị Tình	01/01/1949	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

184	Vũ Thị Bưởi	01/01/1946	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
185	Đặng Thị Hụt	01/01/1949	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
186	Phạm Thị Rộng	01/05/1950	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
187	Lê Thị Rãnh	01/01/1946	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
188	Trần Thị Vuông	01/01/1947	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
189	Vũ Thị Tuấn	23/05/1947	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
190	Vũ Thị Cậy	01/01/1949	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
191	Đặng Hữu Vinh	04/04/1971	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
192	Vũ Thị Dội	03/10/1970	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
193	Nguyễn Văn Hợp	10/02/1957	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
194	Phạm Thành Đông	13/6/1977	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
195	Lê Thị Bích	15/4/1959	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
196	Đặng Văn Mẫn	5/1/1972	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
197	Nguyễn Văn Chinh	05/01/1959	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
198	Đặng Thị Chích	01/4/1952	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
199	Đặng Văn Thiệu	08/8/1971	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
200	Đặng Văn Phú	26/4/1952	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
201	Đặng Hữu Tong	01/8/1929	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
202	Đặng Thị Mẫn	23/9/1983	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
203	Trần Thị Hường	29/9/1988	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
204	Nguyễn Văn Dương	21/12/1978	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
205	Tô Thị Huệ	5/16/1975	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
206	Vũ Thị Hoa	1/1/1957	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
207	Đặng Hữu Sáu	1/1/1932	Bảng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
208	Đặng Quang Huynh	19/5/1958	Bảng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
209	Phạm Hữu Phin	01/10/1957	Bảng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
210	Phạm Văn Xuân	01/01/1964	Bảng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
211	Phạm Thị Phượng	26/6/1971	Bảng Giã	Bình Giang	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
212	Phạm Thị Ngoan	10/01/1981	Bảng Giã	Bình Giang	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
213	Phạm Thị Toán	15/4/1941	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
214	Phạm Thị Năm	01/01/1943	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
215	Trần Thị Điệp	01/01/1936	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
216	Phạm Hữu Quế	01/02/1939	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
217	Nguyễn Thị Mười	01/01/1943	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
218	Nguyễn Đình Cập	01/01/1935	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
219	Phạm Thị Điểm	01/01/1932	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
220	Đặng Hữu Tong	01/8/1929	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
221	Đặng Thị Hồng	01/01/1937	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
222	Phạm Thị Mát	01/01/1930	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
223	Phạm Thị Đãi	01/01/1938	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
224	Nguyễn Thị Hạ	01/01/1939	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
225	Phạm Thị Xuân	01/01/1944	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
226	Đặng Hữu Sáu	01/01/1932	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
227	Đặng Ngọc Hoàn	01/01/1936	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
228	Phạm Thị Thuộc	01/01/1932	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
229	Vũ Thị Bắt	01/01/1945	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
230	Nguyễn Thị Đến	01/01/1940	Bảng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

231	Phạm Thùy Dương	28/07/2008	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
232	Vũ Thị Điền	20/4/1960	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
233	Phạm Thị Huề	01/01/1954	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
234	Đặng Hữu Hợp	01/01/1933	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
235	Nguyễn Thị Bế	01/01/1932	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
236	Vũ Thị Quỳnh	05/6/1947	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
237	Nguyễn Thị Lý	01/01/1950	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
238	Đặng Hữu Nhật	01/01/1965	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
239	Nguyễn Hồng Phong	11/5/1991	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
240	Lê Thị Hồi	15/8/1924	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
241	Lê Thị Hà	18/7/1959	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
242	Lê Thị Lăng	10/10/1930	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
243	Phạm Thị La	01/01/1956	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
244	Đặng Thị Đến	01/01/1953	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
245	Phạm Văn Xanh	01/01/1959	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
246	Hà Thị Chẽ	10/02/1954	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
247	Đặng Thị Thơi	01/01/1940	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
248	Vũ Thị Hiên	19/7/1955	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
249	Vũ Thị Xuân	10/04/1963	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
250	Phạm Hữu Cử	01/01/1954	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
251	Phạm Hữu Mở	27/10/1946	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
252	Phạm Hữu Quá	20/8/1959	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
253	Phạm Văn Vụ	08/01/1959	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
254	Phạm Thị Nguyên	10/2/1962	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
255	Phạm Hữu Huệ	18/9/1960	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
256	Đặng Gia Khiêm	06/12/2019	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
257	Nguyễn Quang Hải	21/11/2019	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
258	Đặng Hải Châu	02/11/1985	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
259	Đặng Thị Tuyến	20/8/1968	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
260	Đặng Thị Hảo	16/8/1988	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
261	Phạm Thị Đào	05/3/1985	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
262	Nhữ Thị Vững	23/3/1983	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
263	Đặng Thị Mận	06/3/1967	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
264	Phạm Quốc Tuấn	15/4/1982	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
265	Đặng Trung Thiên	12/5/2005	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
266	Đặng Thị Viễn	10/9/1969	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
267	Đặng Hữu Tiến	22/7/2012	Bằng Giã	Bình Giang	Trẻ em từ 4 đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
268	Phạm Thị Hoa	05/05/1967	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
269	Phạm Thị Bài	10/11/1937	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
270	Trương Thị Dùng	01/01/1942	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
271	Vũ Thị Tân	01/01/1932	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
272	Nguyễn Văn Hiển	03/01/1946	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
273	Nguyễn Thị Diễm	01/01/1949	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
274	Nguyễn Thị Rèo	01/01/1950	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
275	Phạm Hồng Túc	20/06/1945	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
276	Phạm Văn Đương	01/01/1950	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
277	Nguyễn Thị Bưởi	01/01/1950	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

278	Nguyễn Thị Pháo	01/01/1947	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
279	Nguyễn Thị Bình	01/01/1946	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
280	Lê Thị Bình	01/01/1950	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
281	Đỗ Thị Bình	20/08/1949	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
282	Vũ Thị Đông	01/01/1950	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
283	Phạm Văn Sự	05/02/1950	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
284	Phạm Thị Cần	01/01/1950	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
285	Dương Văn Mích	01/01/1947	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
286	Cù Thị Hiền	01/01/1948	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
287	Phạm Hồng Hải	01/05/1950	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
288	Nguyễn Thị Bì	01/01/1950	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
289	Dương Thị Nhí	27/12/1967	Bì Đổ	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
290	Phạm Hồng Túc	20/6/1945	Bì Đổ	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
291	Phạm Văn Mến	15/08/1971	Bì Đổ	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
292	Nguyễn Văn Thoan	1/1/1971	Bì Đổ	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
293	Bùi Thị Luận	27/07/1971	Bì Đổ	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
294	Nguyễn Thị Quyên	19/09/1982	Bì Đổ	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
295	Dương Văn Liêm	27/09/1976	Bì Đổ	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
296	Lê Công Quảng	23/1/1981	Bì Đổ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
297	Phạm Thị Ươm	01/01/1937	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
298	Phạm Văn Tuyển	01/01/1940	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
299	Nguyễn Thị Gái	01/01/1941	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
300	Phạm Văn Tín	23/05/1943	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
301	Phạm Thị Hiền	01/01/1944	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
302	Phạm Thị Huệ	01/01/1935	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
303	Vũ Thị Vét	01/01/1936	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
304	Nguyễn Thị Đảm	01/09/1941	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
305	Nguyễn Thị Xăm	01/01/1934	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
306	Phạm Thị Síu	07/01/1944	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
307	Phạm Văn Tánh	05/07/1037	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
308	Nguyễn Văn Biên	01/01/1933	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
309	Nguyễn Thị Hán	01/05/1940	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
310	Phạm Thị Tầm	01/01/1945	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
311	Nguyễn Văn Đồng	01/01/1945	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
312	Nguyễn Thị Hòa	01/01/1940	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
313	Đào Thị Ngà	01/01/1936	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
314	Phạm Văn Bính	01/01/1936	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
315	Phạm Văn Sang	01/01/1936	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
316	Phạm Văn Bổng	01/01/1931	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
317	Nguyễn Thị Mộng	10/10/1938	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
318	Lê Thị Tinh	01/01/1940	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
319	Lê Thị Thời	01/01/1923	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
320	Nguyễn Thị Sửu	20/08/1940	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
321	Phạm Thị Nụ	01/01/1944	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
322	Nguyễn Văn Lần	12/03/1934	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
323	Vũ Thị Chai	21/05/1942	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
324	Nguyễn Thị Yên	07/05/1940	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

325	Nguyễn Thị Thắm	07/08/1943	Bi Đỏ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
326	Vũ Thị Ánh	01/01/1938	Bi Đỏ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
327	Phạm Thị Nghề	01/01/1938	Bi Đỏ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
328	Nguyễn Thị Hiếm	07/10/1931	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
329	Nguyễn Thị Gái	13/03/1956	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
330	Nguyễn Thị May	01/01/1974	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
331	Phạm Văn Khang	08/07/2000	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
332	Vũ Thị Lương	2/3/1957	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
333	Cù Văn Nháng	09/11/1957	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
334	Phạm Thị Len	01/01/1953	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
335	Phạm Thị Chuộng	19/03/1940	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
336	Nguyễn Ngọc Ứng	02/05/1957	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
337	Vũ Đức Nhỡ	07/03/1942	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
338	Dương Văn Hồng	01/01/1947	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
339	Phạm Đức Thịnh	24/01/1958	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
340	Phạm Thị Khâu	01/01/1931	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
341	Nguyễn Văn Mạo	21/04/1962	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
342	Dương Thị Hiếng	01/01/1958	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
343	Phạm Thành Vinh	18/09/2007	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
344	Nguyễn Văn Huy	02/3/2008	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
345	Phạm Thị Ánh Dương	04/01/2011	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
346	Mai Thị Lan	28/08/1985	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
347	Phạm Thị Tuyền	06/10/1992	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
348	Hà Văn Lưu	29/10/1989	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
349	Phạm Thị Ngần	26/11/1990	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
350	Phạm Văn Vang	13/09/1980	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
351	Nguyễn Văn Nho	12/02/1970	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
352	Phạm Văn Mên	01/01/1969	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
353	Nguyễn Văn Cường	11/01/1989	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
354	Dương Văn Tập	15/04/1986	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
355	Nguyễn Thị Cúc	02/06/1988	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
356	Nguyễn Tuấn Khang	17/10/2022	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
357	Nguyễn Thị Quýt	01/01/1939	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
358	Nguyễn Thị Tước	01/07/1953	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
359	Phạm Thị Gái	01/01/1936	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
360	Trần Thị Thể	01/01/1947	Bi Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
361	Phạm Thị Là	21/07/1946	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
362	Chu Đăng Cố	01/01/1947	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
363	Nguyễn Viết Vỳ	01/03/1949	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
364	Chu Thị Toan	01/01/1950	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
365	Vũ Công Thạnh	25/06/1945	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
366	Phạm Huy Hân	01/01/1949	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
367	Nhữ Thị Vũ	01/01/1950	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
368	Vũ Thị Thuần	01/01/1948	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
369	Vũ Thị Phin	17/05/1955	Bình An	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
370	Phạm Thị Tính	01/01/1947	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
371	Nguyễn Thị Tính	23/05/1948	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

372	Nguyễn Thị Thừa	01/01/1950	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
373	Vũ Tất Thắng	15/08/1949	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
374	Vũ Phú Lục	06/10/1948	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
375	Vũ Thị Dãnh	05/06/1949	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
376	Vũ Công Bổn	26/07/1950	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
377	Vũ Công Lũy	01/08/1950	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
378	Vũ Công Thức	29/01/1985	Bình An	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
379	Vũ Thị Việt	28/01/1978	Bình An	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
380	Nguyễn Mạnh Hùng	01/8/1955	Bình An	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
381	Đặng Đình Lăng	25/12/1977	Bình An	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
382	Phạm Tuấn Dũng	02/03/1973	Bình An	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
383	Đặng Đình Thanh	19/01/1960	Bình An	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
384	Vũ Thị Phin	17/05/1955	Bình An	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
385	Vũ Thị Thoan	10/03/1978	Bình An	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
386	Bùi Thị Chiến	01/01/1952	Bình An	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
387	Vũ Thị Lan	08/10/1971	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
388	Vũ Thị Hường	20/11/1993	Bình An	Bình Giang	Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
389	Vũ Thị Hà	01/01/1943	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
390	Vũ Thị Cảnh	01/01/1933	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
391	Trần Thị Sáng	01/01/1945	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
392	Chu Thị Bế	01/01/1945	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
393	Chu Đăng Mão	01/01/1940	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
394	Vũ Thị Đá	01/01/1935	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
395	Vũ Thị Hợp	01/01/1930	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
396	Vũ Công Tụ	01/01/1929	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
397	Nguyễn Thị Tình	01/01/1937	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
398	Vũ Thị Bình	1/4/1930	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
399	Vũ Thị Tứ	01/01/1930	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
400	Vũ Thị Vĩnh	01/01/1933	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
401	Vũ Thị Ngũ	01/01/1934	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
402	Cao Thị Mý	01/01/1941	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
403	Vũ Thị Thiện	01/01/1940	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
404	Chu Thị Hạ	01/01/1944	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
405	Vũ Thị Phấn	01/01/1937	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
406	Nguyễn Thị Tuyết	08/11/1935	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
407	Vũ Phú Trạch	01/3/1944	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
408	Vũ Thị Kích	01/01/1938	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
409	Vũ Công Điểm	15/8/1937	Bình An	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
410	Phạm Thị Dần	01/01/1933	Bình An	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
411	Phạm Thị Xứng	01/01/1929	Bình An	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
412	Nguyễn Duy Thủy	01/01/1949	Bình An	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
413	Vũ Thị Phức	01/01/1943	Bình An	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
414	Phạm Hữu Phúc	10/6/1946	Bình An	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
415	Phạm Thị Dợp	01/01/1937	Bình An	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
416	Vũ Mạnh Hùng	01/01/1954	Bình An	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
417	Vũ Công Gia Cát	02/12/2015	Bình An	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
418	Vũ Hữu Tuynh	15/10/1979	Bình An	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)

419	Phạm Hương Trà	05/6/2018	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
420	Vũ Thị Nhâm	01/01/1948	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
421	Nguyễn Duy Quyến	16/01/1955	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
422	Vũ Thị Tết	01/01/1950	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
423	Vũ Phú Toán	01/01/1963	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
424	Phạm Thị Tấn	22/12/1955	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
425	Nguyễn Thị Mong	01/01/1952	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
426	Nguyễn Duy Chiêu	01/01//1952	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
427	Nguyễn Thị Hễ	01/01/1951	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
428	Vũ Công Đinh	01/01/1965	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
429	Vũ Thị Mỳ	07/08/1959	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
430	Vũ Thị Hất	01/01/1934	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
431	Phạm Huy May	01/01/1962	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
432	Vũ Minh Tiến	18/4/2012	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
433	Phạm Huy Phong	05/08/2008	Bình An	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
434	Nguyễn Duy Công	20/8/1986	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
435	Vũ Công Đạt	20/8/1999	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
436	Vũ Công Mạnh	11/10/1993	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
437	Vũ Công Cuộc	10/12/1973	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
438	Vũ Hồng Nhung	18/06/1998	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
439	Hà Thị Thà	13/1/1968	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
440	Vũ Ngọc Trung	17/04/1974	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
441	Chu Đăng Thư	22/08/1973	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
442	Vũ Thị Hạnh	18/08/1986	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
443	Đỗ Thị Vui	01/10/1969	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
444	Phương Thị Hải	10/01/1975	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
445	Vũ Phú Lăng	03/07/1973	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
446	Nguyễn Thị Vân	14/01/1979	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
447	Vũ Công Hào	10/9/1989	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
448	Chu Văn Giang	22/11/2003	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
449	Vũ Thị Hiền	05/03/1978	Bình An	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
450	Chu Thị Xòe	01/01/1958	Bình An	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 60-80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc có nhưng chết/mất tích/ly hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
451	Vũ Thị Mùi	13/7/1959	Bình An	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 60-80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc có nhưng chết/mất tích/ly hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
452	Nguyễn Thế Anh	12/8/2012	Bình An	Bình Giang	Trẻ em từ 4 đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
453	Phạm Thị Lựa	04/01/1966	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
454	Đặng Đình Sự	01/01/1960	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
455	Vũ Thị Tú	12/3/1954	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
456	Nguyễn Văn Đính	23/01/1942	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
457	Nguyễn Văn Sáu	06/07/1966	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
458	Lê Thị Toàn	01/01/1946	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
459	Nguyễn Văn Kỳ	25/07/1947	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
460	Nguyễn Xuân Tiến	03/01/1947	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
461	Nguyễn Văn Tước	01/01/1947	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
462	Nguyễn Thị Nụ	23/09/1948	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
463	Nguyễn Văn Tùy	01/01/1949	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
464	Vũ Thị Nhu	17/07/1950	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
465	Phạm Thị Chín	01/01/1950	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

466	Vũ Thị Tuy	05/05/1949	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
467	Vũ Thị Chiềng	20/10/1948	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
468	Nguyễn Thị Sánh	10/12/1945	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
469	Đồng Thị Lời	10/01/1946	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
470	Nguyễn Thị Lánh	01/01/1948	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
471	Nguyễn Thị Việt	08/09/1946	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
472	Bùi Thị Yên	10/01/1947	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
473	Nguyễn Thị Bờ	01/01/1948	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
474	Hoàng Trọng Điển	26/08/1948	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
475	Đỗ Thị Nhị	01/01/1950	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
476	Đào Văn Thứa	01/01/1950	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
477	Phạm Thị Mậu	02/01/1950	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
478	Nguyễn Thị Lừng	02/3/1958	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
479	Lê Văn Ngọc	29/7/1976	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
480	Nguyễn Thị Yên	02/01/1959	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
481	Lê Văn Sỹ	01/06/1959	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
482	Nguyễn Xuân Nhương	28/11/1985	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
483	Vũ Thị Hoan	01/01/1957	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
484	Bùi Đình Kha	07/07/1970	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
485	Vũ Huy Cận	30/04/1952	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
486	Phạm Thị Hiên	25/04/1979	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
487	Nguyễn Thị Vần	01/01/1958	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
488	Nguyễn Minh Phương	21/02/1983	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
489	Trần Văn Đại	08/08/1991	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
490	Nguyễn Thị Yến	10/03/1988	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
491	Vũ Thị Mùi	05/10/1942	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
492	Nguyễn Thị Cán	01/06/1936	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
493	Phạm Đình Khớ	03/08/1930	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
494	Đào Xuân Sy	01/02/1942	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
495	Lê Thị Thuận	01/08/1939	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
496	Đỗ Trọng Phụng	01/01/1943	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
497	Phạm Thị Hút	01/01/1934	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
498	Đỗ Thị Bằng	01/01/1944	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
499	Nguyễn Phương Bình	01/01/1944	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
500	Đào Thị Hồ	05/07/1935	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
501	Lê Thị Tĩnh	01/03/1934	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
502	Trần Văn Giám	01/01/1944	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
503	Phạm Thị Gái	01/01/1944	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
504	Nguyễn Thị Đăng	01/01/1938	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
505	Nguyễn Thị Sẵn	01/01/1938	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
506	Vũ Thị Quynh	15/4/1945	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
507	Nguyễn Thị Đổi	03/08/1938	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
508	Hoàng Thị Vẻo	01/01/1936	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
509	Đỗ Thị Tý	01/01/1935	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
510	Nguyễn Thị Gái	01/08/1938	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
511	Phạm Thị Tính	01/01/1930	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
512	Trần Phương Cần	15/03/1955	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)

513	Nguyễn Thị Thường	25/10/1949	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
514	Bùi Văn Tường	01/01/1926	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
515	Nguyễn Thị Thành	1/1/1954	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
516	Trần Thị Tý	01/01/1946	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
517	Nguyễn Thị Phúc	01/01/1925	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
518	Nguyễn Thị Gái	01/01/1966	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
519	Vũ Thị Mận	10/09/1984	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
520	Phạm Thị Vân	01/01/1985	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
521	Trần Thị Tời	01/01/1958	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
522	Tao Thị Miền	04/03/1951	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
523	Nguyễn Thị Miên	01/01/1960	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
524	Vũ Thị Thoa	06/07/1930	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
525	Vũ Thị Tốn	01/01/1939	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
526	Vũ Thị Bốn	01/01/1946	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
527	Lê Thị Phê	01/01/1954	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
528	Vũ Thị Nhuần	01/02/1933	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
529	Hoàng Thị Nghiên	10/04/1960	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
530	Vũ Hồng Viễn	01/01/1955	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
531	Nguyễn Văn Mậu	01/01/1958	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
532	Nguyễn Thị Oanh	01/01/1959	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
533	Nguyễn Văn Hiếu	05/09/2016	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
534	Nguyễn Văn Bảo	27/12/2009	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
535	Nguyễn Văn Ước	08/06/1986	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
536	Trần Văn Đoàn	26/07/1981	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
537	Nguyễn Thanh Thảo	16/02/2002	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
538	Nguyễn Xuân Lố	03/02/1965	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
539	Nguyễn Thị Hạnh	15/10/1989	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
540	Lương Thị Thương	22/03/1965	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
541	Nguyễn Văn Đằng	13/08/1979	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
542	Phạm Hiệp Tình	12/12/1987	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
543	Nguyễn Văn Đà	10/07/1993	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
544	Nguyễn Văn Tiện	01/09/1976	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
545	Vũ Quý Cảnh	05/03/1967	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
546	Phạm Thị Thướng	17/10/1977	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
547	Lê Thị Mơ	01/01/1966	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
548	Phạm Đình Cường	28/06/1997	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
549	Bùi Thị Huýt	02/03/1928	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
550	Nguyễn Thị Kiến	27/01/1940	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
551	Vũ Đình Cải	15/9/1956	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
552	Vũ Thị Thóc	01/01/1930	Cam Xá	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
553	Nguyễn Thị Xim	01/01/1953	Hạ Bì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
554	Nguyễn Thị Hỷ	01/01/1946	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
555	Vũ Thị Triệu	01/01/1948	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
556	Đỗ Thị Biết	01/01/1948	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
557	Đỗ Xuân Quý	05/02/1950	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
558	Nguyễn Thị Hà	01/01/1949	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
559	Đỗ Thị Tách	01/01/1950	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

560	Nguyễn Thị Thư	01/11/1949	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
561	Nguyễn Thị Xuân	01/01/1950	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
562	Phạm Văn Thù	01/01/1954	Hạ Bì	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
563	Nguyễn Thị Sợi	01/01/1951	Hạ Bì	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
564	Trần Văn Xô	01/01/1948	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
565	Nguyễn Ngọc Đặng	01/07/1949	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
566	Nguyễn Thị Chợ	01/01/1949	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
567	Nguyễn Thị Mai	01/09/1958	Hạ Bì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
568	Vũ Thị Nhung	08/02/1964	Hạ Bì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
569	Nguyễn Đình Duy	10/12/1983	Hạ Bì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
570	Đỗ Xuân Sánh	04/10/1958	Hạ Bì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
571	Phạm Văn Duyên	10/01/1968	Hạ Bì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
572	Nguyễn Thị Tám	06/06/1994	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
573	Phạm Đức Minh Hải	13/11/2010	Hạ Bì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
574	Đỗ Thị Bin	01/01/1932	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
575	Nguyễn Thị Lột	01/01/1943	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
576	Đỗ Phú Nhuận	01/01/1940	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
577	Trần Thị Nụ	01/01/1942	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
578	Nguyễn Đình Hiếu	01/01/1943	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
579	Nguyễn Thị Nhỡ	04/07/1943	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
580	Hoàng Thị Tập	01/01/1940	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
581	Hoàng Thị Sen	01/01/1940	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
582	Nguyễn Văn Khuê	01/01/1941	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
583	Vũ Thị Dịu	01/01/1934	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
584	Dương Thị Nga	01/01/1933	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
585	Phạm Thị Sáng	01/10/1938	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
586	Vũ Thị Khoai	01/01/1945	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
587	Vũ Gia Dỗ	03/06/1936	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
588	Nguyễn Thị Tắm	07/10/1939	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
589	Nguyễn Thị Gái	01/01/1942	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
590	Nguyễn Thị Út	01/01/1941	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
591	Phạm Thị Mạn	01/01/1922	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
592	Lê Thị Khang	01/01/1941	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
593	Nguyễn Thị Ôn	01/01/1935	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
594	Nguyễn Thị Luyến	01/01/1934	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
595	Nguyễn Đình Trại	01/02/1930	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
596	Hoàng Thị Nguyện	01/01/1939	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
597	Đỗ Thị Mỳ	01/01/1933	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
598	Phạm Văn Thắm	01/01/1937	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
599	Đỗ Xuân Toàn	11/01/1944	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
600	Trần Thị Mưa	01/01/1937	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
601	Nguyễn Thị Lan	01/01/1930	Hạ Bì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
602	Nguyễn Đình Xuân	01/01/1978	Hạ Bì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
603	Vũ Mạnh Thắng	29/08/2007	Hạ Bì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
604	Phạm Thị Nga	02/02/1974	Hạ Bì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
605	Phạm Thị Yên	01/01/1953	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
606	Nguyễn Văn Liệu	1/1/1948	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)

607	Nguyễn Chí Thức	02/02/1952	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
608	Đỗ Thị Xuân	01/01/1957	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
609	Phạm Thị Phẩm	01/01/1941	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
610	Nguyễn Đình Trọng	01/03/1940	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
611	Nguyễn Thị Cuộn	01/02/1952	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
612	Nguyễn Thị Mai	25/05/1985	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
613	Phạm Thị Ước	1/1/1966	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
614	Nguyễn Thị Phúc	02/09/1971	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
615	Trần Thị Trang	17/09/1986	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
616	Nguyễn Thị Đản	01/08/1960	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
617	Vũ Thị Sinh	08/09/1971	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
618	Trần Văn Trường	26/12/1992	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
619	Vũ Thị Mỹ Dung	18/09/1990	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
620	Vũ Thị Đông	16/08/1954	Hạ Bì	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 60-80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc có nhưng chết/mất tích/ly hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
621	Đỗ Thị Gái	01/01/1955	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
622	Vũ Quốc Thăng	15/01/1947	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
623	Phạm Thị Thách	01/03/1947	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
624	Trần Trọng Kế	07/07/1947	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
625	Nguyễn Văn Hào	05/10/1949	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
626	Vũ Văn Tự	20/04/1947	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
627	Nguyễn Thị Ngọt	06/03/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
628	Phạm Thị Dùng	17/12/1946	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
629	Vũ Thị Gò	17/07/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
630	Đoàn Thị Hải	06/09/1948	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
631	Vũ Thị Nhi	01/01/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
632	Nguyễn Thị Phiêu	02/08/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
633	Ngô Xuân Điều	28/01/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
634	Nguyễn Văn Đinh	10/10/1946	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
635	Nguyễn Văn Đà	20/5/1978	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
636	Trần Thị Hạnh	9/2/1966	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
637	Nguyễn Thị Lưỡng	25/10/1964	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
638	Vũ Thị Hoa	13/10/1960	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
639	Vũ Phương Thọ	9/12/1952	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
640	Vũ Văn Trường	26/06/1971	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
641	Đặng Thị Mai	4/3/1989	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
642	Vũ Phương Đông	17/8/1996	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
643	Vũ Đình Hà	10/8/1972	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
644	Vũ Thị Năm	01/01/1957	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
645	Nguyễn Thị Huyền	6/4/1973	Bến Nứa	Bình Giang	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
646	Vũ Thị Mận	1/1/1965	Bến Nứa	Bình Giang	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
647	Nguyễn Thị Xu	24/04/1940	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
648	Vũ Đình Phiên	20/09/1933	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
649	Phạm Thị Cường	2/5/1937	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
650	Lã Thị Canh	12/06/1939	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
651	Trần Thị Điểm	4/1/1939	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
652	Đỗ Thị Điệp	1/1/1939	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
653	Vũ Thị Lụa	1/1/1933	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

654	Vũ Phương Chiết	21/04/1933	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
655	Vũ Thị Tính	9/6/1930	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
656	Vũ Thị Hán	1/1/1923	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
657	Nguyễn Thùy Triều	25/07/1940	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
658	Vũ Thị Đàm	3/4/1930	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
659	Nguyễn Thị Túc	2/1/1940	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
660	Lê Thị Thược	8/2/1937	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
661	Nguyễn Thị Bầu	12/07/1939	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
662	Nguyễn Văn Dỹ	20/10/1942	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
663	Nguyễn Hồng Sáng	02/02/1943	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
664	Nguyễn Thị Bằng	10/09/1939	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
665	Nguyễn Thị Hòa	01/01/1932	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
666	Vũ Thị Đỗ	01/08/1935	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
667	Nguyễn Thị Nhí	1/1/1940	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
668	Vũ Thị Bích	14/7/1936	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
669	Nguyễn Thị Tuất	01/01/1945	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
670	Lê Thị Tính	13/8/1953	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
671	Nguyễn Vũ Đàm	26/03/1947	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
672	Vũ Phương Thiệp	8/6/1961	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
673	Nguyễn Thị Xa	5/3/1952	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
674	Nguyễn Thị Nguyên	15/08/1952	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
675	Nguyễn Bảo Khánh	12/08/2018	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
676	Vũ Xuân Sáng	19/06/1989	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
677	Vũ Hải Đăng	8/6/1993	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
678	Lê Thị Đỏ	1/10/1946	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
679	Vũ Thị Hạnh	8/8/1958	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
680	Nguyễn Đức Viên	21/03/1959	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
681	Vũ Phương Đập	1/1/1952	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
682	Nguyễn Văn Chàng	30/09/1963	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
683	Trần Thị Tô	3/2/1948	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
684	Trần Thị Quyền	2/10/1945	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
685	Vũ Thị Son	4/1/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
686	Nguyễn Thị Hồng	4/2/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
687	Nguyễn Văn Siu	2/5/1956	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
688	Nguyễn Thị Biên	15/6/1964	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
689	Vũ Thị Chất	22/4/1953	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
690	Nguyễn Thị Tớm	07/7/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
691	Nguyễn Thị Dung	09/8/1962	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
692	Nguyễn Vũ Khê	12/8/1959	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
693	Nguyễn Văn Thông	03/02/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
694	Phạm Thị Chuốt	01/9/1955	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
695	Vũ Xuân Thức	05/10/1954	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
696	Phạm Thị Lan	11/5/1964	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
697	Lã Mạnh Toàn	17/6/2013	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
698	Vũ Thị Phương Trang	25/10/2014	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
699	Vũ Văn Bát	8/10/1972	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
700	Lã Văn Bắc	3/10/1986	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)

701	Nguyễn Thị Hảo	4/8/2008	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
702	Nguyễn Văn Đoàn	3/1/1978	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
703	Nguyễn Thị Sen	28/09/1968	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
704	Nguyễn Thị Chài	13/02/1983	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
705	Tăng Thị Na	02/8/1967	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
706	Nùng Thị Trang	02/10/1999	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
707	Nguyễn Thị Hằng	29/08/1985	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
708	Trần Văn Đô	10/10/1967	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
709	Lã Văn Thuận	14/6/1960	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
710	Nguyễn Ngọc Minh	20/12/1955	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
711	Nguyễn Văn Thưởng	04/06/1966	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
712	Nguyễn Vũ Hiện	02/9/1943	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
713	Vũ Đình Trường	19/8/1960	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
714	Nguyễn Minh Chung	02/03/1950	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
715	Nguyễn Hoài Chúc	25/04/1949	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
716	Nguyễn Văn Quân	02/02/1946	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
717	Đào Văn Nhượng	25/04/1953	Lôi Trì	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
718	Nguyễn Thị Độ	10/07/1946	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
719	Đào Thị Tới	02/03/1948	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
720	Triệu Thị Kiểm	23/05/1948	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
721	Cù Chính Tiềm	08/10/1946	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
722	Nguyễn Thị Hẹn	01/02/1949	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
723	Vũ Thị Luyến	10/07/1950	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
724	Đỗ Thị Lương	20/10/1946	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
725	Nguyễn Thị Dưa	01/01/1953	Lôi Trì	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
726	Triệu Quang Nguyên	20/02/1948	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
727	Đàm Thị Thích	01/01/1947	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
728	Phạm Thị Sen	01/01/1947	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
729	Trương Thế Tùng	24/02/1948	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
730	Lê Thị Hanh	11/05/1947	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
731	Vũ Thị Tý	17/12/1946	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
732	Triệu Thị Văn	30/03/1948	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
733	Vũ Thị Lương	01/02/1947	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
734	Lâm Thị Gần	15/07/1949	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
735	Vũ Thị Liên	27/10/1961	Lôi Trì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
736	Vũ Thị Nôn	30/3/1965	Lôi Trì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
737	Đỗ Thị Dịu	1/10/1983	Lôi Trì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
738	Lê Thị Mai	28/2/1979	Lôi Trì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
739	Vũ Thị Hằng	11/11/1969	Lôi Trì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
740	Đào Thị Luyến	25/7/1964	Lôi Trì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
741	Đào Thị Huyền	23/8/1969	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
742	Hoàng Thị Miệt	05/10/1930	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
743	Vũ Quý Độ	02/12/1940	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
744	Phạm Thị Nhường	4/3/1940	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
745	Phạm Thị Thi	05/07/1940	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
746	Nguyễn Hữu Phận	01/03/1940	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
747	Đào Thị Na	1/1/1936	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

748	Vũ Đình Điện	01/07/1933	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
749	Ngô Thị Tý	1/5/1943	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
750	Nguyễn Đình Sinh	6/10/1939	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
751	Nguyễn Thị Ninh	1/1/1939	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
752	Nguyễn Thị Tam	12/2/1940	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
753	Nguyễn Thị Tảo	3/4/1930	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
754	Nguyễn Thị Thanh	1/1/1937	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
755	Nguyễn Thị Vần	1/1/1929	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
756	Nguyễn Thị Vì	10/3/1981	Lôi Trì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
757	Trần Thị Côi	1/1/1933	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
758	Nguyễn Thị Vĩnh	2/3/1932	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
759	Vũ Đình Bảo	20/2/1932	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
760	Phạm Đình Bẩy	19/7/1976	Lôi Trì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
761	Vũ Thị Trò	18/9/1928	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
762	Nguyễn Hữu Tích	02/9/1943	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
763	Nguyễn Hữu Cầu	01/08/1942	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
764	Ngô Thị Phiến	16/04/1936	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
765	Vũ Đình Duyệt	12/10/1939	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
766	Trần Thị Nhớn	01/01/1922	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
767	Triệu Thị Thi	02/3/1944	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
768	Vũ Thị Chén	12/4/1945	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
769	Vũ Thị Úc	04/03/1945	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
770	Vũ Tuấn Đa	10/5/1945	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
771	Trương Thị Thịnh	1/1/1962	Lôi Trì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
772	Nguyễn Thị Nhớn	27/8/1939	Lôi Trì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
773	Đào Xuân Chinh	10/9/1960	Lôi Trì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
774	Triệu Quang Hiến	20/07/1971	Lôi Trì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
775	Nguyễn Hữu Hùng	10/5/1977	Lôi Trì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
776	Triệu Thị Thông	5/6/1971	Lôi Trì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
777	Vũ Qúy Quý	06/06/2000	Lôi Trì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
778	Triệu Thị Đức	15/03/1965	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
779	Nguyễn Hữu Lạp	10/04/1964	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
780	Vũ Mạnh Chuyển	25/12/1954	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
781	Vũ Quyết Thắng	18/12/1960	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
782	Cù Thị Hay	13/9/1981	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
783	Đào Thị Sửu	1/1/1940	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
784	Nguyễn Thị Cân	1/1/1956	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
785	Triệu Thị Tăng	20/8/1959	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
786	Vũ Thị Đang	25/7/1933	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
787	Vũ Thị Kỳ	1/1/1957	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
788	Vũ Thị Liên	1/11/1948	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
789	Vũ Thị Tiến	1/10/1962	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
790	Nguyễn Thị Cây	14/4/1963	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
791	Phạm Thị Lĩnh	01/04/1928	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
792	Đào Văn Hòa	5/3/1963	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
793	Triệu Quang Công	15/3/2023	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
794	Phạm Đình Dương	05/10/2009	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)

795	Phạm Quang Thiện	25/09/2012	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
796	Vũ Thị Phương Anh	17/01/2011	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
797	Vũ Đăng Kiệt	08/7/2021	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
798	Trần Thị Trào	1/1/1965	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
799	Đào Thị Tấm	28/9/1983	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
800	Đặng Quốc Thông	28/10/1979	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
801	Nguyễn Đình Quang	5/5/1980	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
802	Nguyễn Thị Chinh	15/11/1989	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
803	Nguyễn Thị Tươi	9/10/1991	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
804	Nguyễn Xuân Tuấn	26/6/1997	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
805	Triệu Quang Đoàn	10/7/1981	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
806	Trương Văn Thám	6/7/1969	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
807	Vũ Văn Dũng	1/1/1970	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
808	Vũ Văn Quận	17/2/1987	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
809	Vũ Đình Trọng	01/01/1970	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
810	Đỗ Đình Khanh	15/10/1967	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
811	Vũ Thị Phượng	21/3/2003	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
812	Nguyễn Thị Lan Phương	23/4/2006	Lôi Trì	Bình Giang	Người từ 16-22 tuổi đang đi học không có nguồn nuôi dưỡng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
813	Vũ Thị Thu Hà	05/02/1986	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
814	Vũ Thị Mẫn	01/01/1950	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
815	Vũ Đình Canh	26/06/1950	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
816	Vũ Thị Mớ	01/01/1950	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
817	Vũ Văn Hương	02/12/1949	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
818	Vũ Thị Vẫn	01/01/1954	Lý Đò	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
819	Vũ Đình Đích	20/02/1948	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
820	Nguyễn Thị Chà	01/01/1947	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
821	Vũ Viết Bông	01/01/1946	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
822	Phan Đình Nghiêm	01/01/1946	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
823	Phạm Thị Vui	19/05/1948	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
824	Vũ Đình Phùng	19/05/1946	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
825	Bùi Thị Thanh	01/01/1946	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
826	Nguyễn Thị Xuân	20/04/1948	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
827	Lê Thị Lánh	01/01/1966	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
828	Vũ Đức Khảm	20/8/1960	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
829	Vũ Đình Đạt	07/10/1987	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
830	Vũ Đình Đạt	07/10/1987	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
831	Vũ Thị Tin	27/12/1963	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
832	Vũ Thị Huệ	01/01/1933	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
833	Vũ Thị Vi	01/11/1951	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
834	Vũ Thị Ngừng	08/05/1954	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
835	Nguyễn Đình Toàn	20/6/1975	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
836	Lê Văn Sơn	15/7/1973	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
837	Vũ Đình Ngát	29/04/1960	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
838	Vũ Thị Là	6/10/1971	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
839	Vũ Công Chính	13/9/1974	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
840	Trần Thị Hiền	30/5/1980	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
841	Nguyễn Thị Oanh	21/10/1991	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

842	Vũ Thị Linh	01/01/1965	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
843	Vũ Thị Láng	06/07/1949	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
844	Phan Đình Hùng	01/01/1958	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
845	Lê Thành Trung	05/8/2003	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
846	Trần Thị Mùi	12/1/1965	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
847	Phan Thị Luyện	4/10/1978	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
848	Vũ Đình Sáng	5/4/1962	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
849	Vũ Viết Quỳ	01/01/1941	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
850	Vũ Thị Dụng	01/01/1938	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
851	Vũ Thị Thiết	01/01/1944	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
852	Vũ Thị Huệ	01/01/1933	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
853	Trần Đình Đạo	10/10/1944	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
854	Vũ Viết Tính	18/03/1945	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
855	Lê Quang Vinh	17/4/1945	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
856	Lê Hồng Sơn	01/01/1942	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
857	Vũ Đình Khuể	01/01/1939	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
858	Vũ Thị Tè	01/01/1937	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
859	Tạ Sơn Đặt	01/02/1940	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
860	Vũ Thị Phượng	01/01/1942	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
861	Phạm Thị Kiện	01/01/1936	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
862	Vũ Thị Sưởng	01/01/1937	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
863	Nghiêm Thị Khoát	06/07/1939	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
864	Vũ Viết Nguyệt	01/01/1944	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
865	Trần Đình Cao	07/08/1940	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
866	Trần Thị Tường	01/01/1935	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
867	Phạm Thị Tước	02/06/1934	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
868	Nguyễn Thị Và	05/08/1937	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
869	Phạm Thị Bồi	01/01/1936	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
870	Đặng Thị Nhớn	01/01/1937	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
871	Vũ Đình Ngư	20/05/1940	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
872	Vũ Thị Huế	01/01/1942	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
873	Vũ Thị Đợi	03/02/1943	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
874	Vũ Thị Bóc	20/10/1944	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
875	Nguyễn Thị Tuất	01/01/1942	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
876	Vũ Đình Sơn	6/7/1944	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
877	Vũ Thị Mùi	12/10/1944	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
878	Vũ Thị Kính	20/01/1940	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
879	Trần Thị Gây	01/9/1930	Lý Đò	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
880	Bùi Thị Ngọt	01/4/1952	Lý Đò	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
881	Phạm Thị Thảo	01/01/1940	Lý Đò	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
882	Trần Đình Dẫn	25/12/1947	Lý Đò	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
883	Vũ Thị Hảo	01/01/1953	Lý Đò	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
884	Vũ Thị Cố	01/01/1930	Lý Đò	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
885	Vũ Thị Hữu	01/01/1930	Lý Đò	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
886	Trần Đình Đàng	01/01/1963	Lý Đò	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
887	Lê Văn Phấn	01/01/1943	Lý Đò	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
888	Cao Đông Quân	10/03/2019	Lý Đò	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)

889	Vũ Đình Phú	16/04/1993	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
890	Vũ Công Quyền	20/06/1999	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
891	Vũ Thị Vuông	01/01/1936	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
892	Nghiêm Thị Thước	01/01/1950	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
893	Vũ Thị Tái	01/01/1948	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
894	Vũ Đình Du	30/01/1960	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
895	Trần Thị Thơ	01/01/1949	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
896	Vũ Đình Xế	01/01/1958	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
897	Đinh Thị Động	01/01/1956	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
898	Phan Thị Thiệu	10/7/1955	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
899	Vũ Thị Nhượng	23/12/1957	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
900	Phan Gia Huy	10/11/2015	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
901	Trần Thị Bích	01/3/1983	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
902	Nguyễn Thị Xen	8/8/1987	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
903	Vũ Đình Lăng	22/3/1987	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
904	Lê Thị Thương Hằng	28/07/1995	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
905	Vũ Quang Hiếu	20/02/2003	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
906	Tạ Sơn Mạnh	18/08/1983	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
907	Trần Đình Công	18/06/1983	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
908	Vũ Đình Tiến	14/08/1990	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
909	Vũ Công Lụt	01/01/1971	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
910	Trần Đình Han	01/01/1966	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
911	Trần Sinh Phúc	19/1/2014	Lý Đỏ	Bình Giang	Trẻ em từ 4 đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
912	Nguyễn Thị Tục	01/01/1929	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
913	Trần Thị Mến	21/8/1980	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
914	Vũ Viết Đấp	01/01/1959	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
915	Trần Đình Thành	01/11/1957	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
916	Nguyễn Thị Thêu	01/10/1957	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
917	Trần Thị Cám	01/01/1930	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
918	Vũ Thị Mật	30/9/1940	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
919	Trần Đình Hoa	01/01/1963	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
920	Nguyễn Thị Cộng	01/01/1958	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
921	Đinh Thị Dậu	04/02/1945	Lý Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
922	Nguyễn Đức Bộ	15/05/1949	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
923	Nguyễn Đình Lượng	06/04/1949	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
924	Vũ Thị Thúc	01/01/1950	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
925	Phạm Thị Lan	20/02/1948	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
926	Vũ Thị Vân	05/08/1954	An Phú	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
927	Đỗ Thị Sinh	13/02/1946	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
928	Vũ Thị Ngãi	27/01/1972	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
929	Phạm Thị Đường	2/1/1962	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
930	Trịnh Thị Trạm	14/05/1954	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
931	Nguyễn Thị Quyên	24/12/1984	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
932	Trần Thị Quỳnh	10/3/1981	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
933	Vũ Thị Sâm	25/04/1957	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
934	Vũ Hà Bắc	14/09/1965	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
935	Vũ Thị Trạm	09/12/1968	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

936	Nguyễn Thị Dung	30/03/1931	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
937	Đinh Thị Nhậm	20/07/1943	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
938	Vũ Thị Thục	13/04/1937	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
939	Phạm Thị Nụ	20/07/1941	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
940	Lâm Thị Tiếu	11/4/1933	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
941	Lê Thị Tám	5/6/1940	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
942	Nguyễn Thị Cù	1/2/1940	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
943	Vũ Thị Nhung	31/08/1932	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
944	Phạm Thị Vé	03/4/1944	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
945	Đỗ Thị Mưu	01/01/1945	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
946	Lâm Thị Ngợi	10/05/1935	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
947	Phạm Văn Ảnh	17/10/1962	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
948	Nguyễn Thị Vượng	1/1/1959	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
949	Phạm Thị Lợi	20/10/1932	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
950	Nguyễn Hải Đăng	04/10/2017	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
951	Vũ Thị Nhỡ	1/1/1947	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
952	Vũ Thị Đổi	12/2/1953	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
953	Vũ Phương Nam	14/04/2005	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
954	Nguyễn Văn Đạt	17/10/2002	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
955	Vũ Duy Tiến	24/03/2009	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
956	Vũ Thị Nhịp	01/01/1958	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
957	Lâm Xuân Đào	15/09/1957	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
958	Vũ Thị Bốn	12/5/1931	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
959	Nguyễn Văn Thái	02/5/1954	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
960	Trần Thị Ngoan	03/02/1959	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
961	Vũ Thị Tre	22/4/1960	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
962	Đỗ Thị Vĩnh	18/05/1950	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
963	Trần Mạnh Chiến	6/2/2014	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
964	Phạm Quỳnh Chi	16/09/2016	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
965	Lê Hồng Thăng	19/10/1966	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
966	Phạm Đình Công	01/05/1984	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
967	Phạm Thị Oanh	02/04/1979	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
968	Nguyễn Thị Sáo	20/11/1975	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
969	Lê Thị Thanh Tâm	7/3/1970	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
970	Vũ Quốc Lâm	18/03/1979	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
971	Phạm Văn Sinh	29/10/1965	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
972	Nguyễn Thị Thơ	17/05/1983	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
973	Nguyễn Đình Tuyến	10/1/1966	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
974	Vũ Duy Thắng	8/3/1993	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
975	Nguyễn Thị Luyên	07/5/2002	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
976	Vũ Duy Hưng	01/5/1974	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
977	Vũ Thị Mỳ	02/9/1952	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
978	Vũ Duy Tài	23/12/1945	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
979	Vũ Xuân Võ	15/11/1968	An Phú	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
980	Lê Thị Bình	10/10/1954	Phú Đa	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
981	Vũ Thị Xu	08/02/1946	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
982	Trần Văn Khiêm	05/10/1949	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)

983	Đoàn Thị Sếu	15/10/1946	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
984	Trần Công Luận	01/01/1947	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
985	Đỗ Ngọc Sơn	03/02/1949	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
986	Trần Văn Minh	05/10/1949	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
987	Trần Văn Chí	15/08/1945	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
988	Đỗ Thị Thường	01/10/1949	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
989	Phạm Thị Ước	17/05/1950	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
990	Trần Trung Dũng	08/07/1953	Phú Đa	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
991	Phạm Thị Thơm	20/10/1952	Phú Đa	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
992	Trần Thị Sinh	05/05/1949	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
993	Nguyễn Thị Vang	18/07/1945	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
994	Trần Thị Bàn	26/10/1948	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
995	Dương Thị Đay	15/08/1950	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
996	Trần Thị Châm	18/07/1949	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
997	Trần Thị Chiêm	01/10/1946	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
998	Nguyễn Văn Chiêm	01/06/1950	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
999	Nguyễn Thị Xoa	12/03/1953	Phú Đa	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1000	Nguyễn Thị Lý	1/1/1980	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1001	Nguyễn Thị Tý	10/6/1942	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1002	Nhữ Thị Thúy	20/11/1974	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1003	Trần Văn Tình	1/8/1976	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1004	Trần Văn Tuấn	25/6/1959	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1005	Trần Văn Tuấn	11/7/1970	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1006	Trần Văn Thứa	2/5/1961	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1007	Trần Xuân Lũ	21/01/1972	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1008	Trần Văn Tín	23/01/1970	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1009	Nguyễn Thị Sánh	20/5/1972	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1010	Trần Thị Thể	12/11/1959	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1011	Trần Văn Thắng	30/5/1958	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1012	Trần Văn Cương	07/02/1986	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1013	Vũ Thị Ngát	16/11/1984	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1014	Vũ Thị Trang	26/02/1990	Phú Đa	Bình Giang	Người đơn thân nghèo đang nuôi 03 con	2,100,000	Nữ	Kinh (Việt)
1015	Trần Văn Lấn	12/03/1940	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1016	Bùi Thị Lý	15/2/1942	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1017	Đặng Thị Mái	5/5/1935	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1018	Đặng Thị Mùi	1/1/1942	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1019	Đặng Thị Vinh	6/3/1940	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1020	Hoàng Thị Khơi	3/3/1939	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1021	Lưu Thị Tuyết	22/6/1936	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1022	Trần Thị Đoán	20/10/1939	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1023	Trần Thị Sùng	14/8/1934	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1024	Trần Thị Tịch	1/10/1937	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1025	Trần Thị Xâm	10/2/1942	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1026	Trần Văn Đại	1/10/1935	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1027	Vũ Thị Liệu	25/5/1955	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1028	Vũ Thị Nghi	12/9/1937	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1029	Trần Thị Huấn	5/1944	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

1030	Đỗ Quang Thiệu	10/03/1936	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1031	Trần Quang Phục	25/06/1939	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1032	Vũ Đức Ký	03/02/1943	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1033	Trần Thị Tài	05/01/1937	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1034	Trần Thị Thái	02/01/1945	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1035	Trần Quang Thà	12/4/1945	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1036	Trần Thị Môn	5/7/1927	Phú Đa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1037	Trần Văn Tuệ	9/10/1934	Phú Đa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1038	Nguyễn Đại Dương	10/1/1954	Phú Đa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1039	Vũ Thị Tuyến	4/8/1933	Phú Đa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1040	Trần Văn Hằng	06/01/1959	Phú Đa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1041	Đỗ Thị Hương	14/7/1974	Phú Đa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1042	Đỗ Văn Lâm	20/10/1983	Phú Đa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1043	Trần Văn Tú	1/6/1969	Phú Đa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1044	Trần Văn Tú	2/4/1972	Phú Đa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1045	Trần Văn Minh	10/9/1988	Phú Đa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1046	Trần Vũ Hải Anh	01/07/2015	Phú Đa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1047	Đỗ Hải Tĩnh	11/11/1959	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1048	Đỗ Thị Nguyệt	1/1/1938	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1049	Lưu Thị Lý	12/9/1963	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1050	Phạm Thị Lành	4/9/1950	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1051	Trần Thị Nhã	1/1/1939	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1052	Trần Thị Sùng	16/6/1958	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1053	Trần Văn Thay	12/7/1957	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1054	Vũ Thị Bánh	1/1/1940	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1055	Lưu Thị Cải	18/8/1953	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1056	Trần Thị Xa	14/4/1958	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1057	Vũ Thị Đản	02/7/1954	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1058	Trần Thị Huê	24/6/1960	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1059	Phạm Thị Quất	15/11/1963	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1060	Phạm Hoàng Hải	01/05/2011	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1061	Vũ Đức Anh Khang	16/02/2015	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1062	Phạm Tiến Cường	22/10/2009	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1063	Trần Bảo Dương	28/3/2018	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1064	Nguyễn Tấn Dũng	26/3/2013	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1065	Đỗ Ngọc Bình	15/6/1979	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1066	Đỗ Thùy Dương	20/2/1994	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1067	Hoàng Thị Nghệ	13/1/1969	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1068	Lê Thị Hạnh	7/10/1988	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1069	Nguyễn Văn Vinh	20/9/1994	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1070	Nguyễn Xuân Cánh	1/1/1965	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1071	Phạm Thị Thúy	5/5/1991	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1072	Tạ Đạt Thế	5/5/1987	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1073	Trần Thị Tươi	10/10/1989	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1074	Trần Văn Duyến	2/4/1985	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1075	Trần Văn Tường	22/10/1964	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1076	Trần Văn Thành	16/8/1977	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)

1077	Vũ Lê Tuấn Anh	6/11/2005	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1078	Vũ Thị Hạy	4/4/1977	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1079	Vũ Thị Phương	2/12/1976	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1080	Trần Văn Lợi	01/10/1978	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1081	Trần Văn Chù	01/10/1965	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1082	Nguyễn Thị Thoan	22/11/1979	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1083	Trần Thị Thảo	01/7/1967	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1084	Vũ Thị Hướng	01/01/1970	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1085	Trần Thị Vấn	1/1/1936	Phú Đa	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 80 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc chết/mất tích/ly hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1086	Đỗ Thị Bắc	01/5/1958	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1087	Phạm Thị Nga	18/11/1959	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1088	Hoàng Thị Thể	09/11/1958	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1089	Vũ Thị Toàn	15/5/1948	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1090	Vũ Thị Năm	02/9/1957	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000		Kinh (Việt)
1091	Vũ Thành Huynh	07/11/1976	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000		Kinh (Việt)
1092	Vũ Đình Vuông	20/07/1947	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1093	Nguyễn Thị Hoan	01/01/1950	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1094	Vũ Đình Bái	06/07/1947	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1095	Vũ Đình Tám	01/01/1947	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1096	Nguyễn Thị Linh	01/01/1948	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1097	Vũ Thị Ngoan	01/01/1949	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1098	Nhữ Thị Nguyên	28/03/1949	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1099	Vũ Thị Thoáng	01/01/1948	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1100	Vũ Thị Lý	09/12/1946	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1101	Nguyễn Đình Kế	01/01/1949	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1102	Vũ Đình Lâm	10/02/1950	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1103	Vũ Đình Năm	10/02/1947	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1104	Phạm Thị Dung	01/01/1948	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1105	Vũ Thị Thê	01/01/1950	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1106	Phạm Thị Hòa	01/01/1948	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1107	Vũ Thị Ngoạt	18/08/1947	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1108	Vũ Thị Duyên	01/01/1947	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1109	Vũ Thị Thái	05/08/1950	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1110	Vũ Huy Lăng	01/01/1935	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1111	Nguyễn Thị Họa	18/01/1968	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1112	Vũ Đình Trân	18/01/1966	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1113	Vũ Đình Đoài	25/09/1972	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1114	Vũ Đình Dòng	05/05/1982	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một trẻ em KT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1115	Vũ Đình Oanh	15/6/1961	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1116	Đào Thị Vương	07/05/1970	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1117	Nguyễn Thị Vân	14/05/1949	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1118	Nguyễn Hữu Trường	02/05/1969	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1119	Vũ Thị Lấy	02/02/1949	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1120	Nhữ Thị Nguyên	28/03/1949	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1121	Vũ Đức Nguyễn	07/04/1957	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1122	Vũ Thị Hoạt	14/08/1967	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1123	Vũ Thị Hóa	01/01/1961	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

1124	Trần Thị Lan	01/01/1970	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1125	Đỗ Hồng Điều	2/6/1936	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1126	Đỗ Minh Ngọc	16/10/1977	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1127	Vũ Xuân Nhàn	04/2/1977	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1128	Trần Thị Yên	27/9/1990	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1129	Nguyễn Quang Đăng	17/2/1970	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1130	Vũ Đình Chí	01/01/1961	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1131	Vũ Đình Tuân	10/10/1957	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1132	Vũ Đình Hoành	1/4/1962	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1133	Vũ Thị Vẻ	8/12/1978	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1134	Nguyễn Thị Hạnh	01/01/1952	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1135	Vũ Đình Túc	03/6/1962	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1136	Vũ Thị May	26/03/1966	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1137	Đỗ Thị Lan	01/01/1958	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1138	Phạm Thị Anh	26/8/1968	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1139	Vũ Đình Tô	05/06/1955	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1140	Vũ Huy Tập	01/01/1957	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1141	Vũ Thị Huê	01/01/1976	Tân Hưng	Bình Giang	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1142	Nguyễn Thị Nhiên	10/9/1985	Tân Hưng	Bình Giang	Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1143	Vũ Thị Văng	01/1/1939	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1144	Vũ Xuân Hướng	01/7/1943	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1145	Vũ Anh Tuấn	01/01/1944	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1146	Vũ Thị Tèo	01/01/1942	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1147	Phạm Thị Định	01/01/1940	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1148	Vũ Thị Thủy	01/01/1932	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1149	Vũ Huy Lăng	01/01/1935	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1150	Vũ Thị Nhanh	01/01/1942	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1151	Vũ Đình Miên	10/08/1936	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1152	Vũ Đình Bích	01/01/1935	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1153	Vũ Đình Loa	01/01/1933	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1154	Vũ Thị Nguyệt	01/01/1936	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1155	Vũ Ngọc Chúc	01/01/1942	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1156	Phạm Thị Yến	01/01/1930	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1157	Nguyễn Thị Hào	01/01/1934	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1158	Nguyễn Thị Lưu	01/01/1944	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1159	Nguyễn Thị Lê	01/01/1937	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1160	Ngô Thị Liên	01/01/1935	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1161	Đỗ Thị Luân	01/01/1941	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1162	Vũ Thị Khiếu	01/01/1945	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1163	Phùng Thị Hòa	01/01/1945	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1164	Phạm Văn Điều	19/5/1945	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1165	Nguyễn Thị Năm	01/01/1935	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1166	Vũ Thị Thịnh	01/01/1938	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1167	Nguyễn Thị Chiu	01/01/1943	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1168	Vũ Đình Mười	01/01/1938	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1169	Vũ Thị Xương	01/01/1941	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1170	Phạm Thị Giáp	01/01/1938	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

1171	Đỗ Thị Lợi	01/01/1929	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1172	Vũ Thị Hong	01/01/1934	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1173	Vũ Thị Đệ	01/01/1942	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1174	Vũ Thị Âu	01/01/1940	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1175	Nguyễn Thị Minh	01/01/1935	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1176	Vũ Đình Hùng	02/7/1988	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1177	Nguyễn Đình Hoành	19/10/1953	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1178	Vũ Xuân Ngạc	01/01/1922	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1179	Vũ Đình Vợi	01/01/1935	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1180	Vũ Thị Ngọt	01/01/1930	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1181	Nguyễn Thị Láng	01/01/1926	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1182	Vũ Thị Sử	01/01/1936	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1183	Lại Thị Tú	01/01/1958	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1184	Nguyễn Thị Hoa	25/2/1948	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1185	Vũ Thị Diễm	04/4/2014	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1186	Vũ Thị Lạng	01/1/1937	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1187	Nguyễn Vũ Phong	22/7/2013	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1188	Vũ Thị Gái	01/01/1936	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1189	Vũ Thị Thêu	21/3/1980	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1190	Vũ Thị Thao	18/6/1974	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1191	Vũ Hồng Tấn	01/01/1965	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1192	Phạm Thị Nguyệt	01/1/1950	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1193	Đặng Thị Nhẽ	01/01/1962	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1194	Vũ Đình Quân	01/01/1963	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1195	Vũ Đình Mạc	01/01/1957	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1196	Đoàn Thị Huê	25/09/1953	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1197	Vũ Đình Xuyến	01/01/1955	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1198	Đỗ Thị Tám	01/01/1966	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1199	Vũ Ngọc Vượng	07/08/1958	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1200	Đỗ Như Thường	15/06/1962	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1201	Vũ Thị Trong	01/01/1936	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1202	Vũ Thị Chăn	01/01/1940	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1203	Nguyễn Thị Nhật	01/1/1962	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1204	Vũ Thị Chúc	03/03/1963	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1205	Đào Thị Sách	01/01/1938	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1206	Vũ Đình Huệ	01/03/1952	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1207	Vũ Thanh Hải	01/01/1958	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1208	Nguyễn Thị Mạc	01/01/1954	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1209	Nguyễn Văn Phô	14/07/1958	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1210	Phạm Ngọc San	01/02/1959	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1211	Vũ Đình Vũ	10/7/1956	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1212	Phạm Đình Tố	01/01/1941	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1213	Vũ Thị Nhi	01/01/1949	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1214	Nguyễn Thị Sấn	20/8/1958	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1215	Vũ Đình Thủy	01/01/1932	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1216	Vũ Hoàng Kim Ngân	08/02/2012	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1217	Vũ Hoàng Anh	2/5/2018	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)

1218	Trần Thu Thanh	28/02/2009	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1219	Vũ Thị Quyên	01/01/1984	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1220	Phạm Thị Doan	28/02/1986	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1221	Vũ Đình Tôn	29/11/1974	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1222	Vũ Thị Minh	25/06/1995	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1223	Vũ Thị Mận	22/08/1964	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1224	Vũ Đình Khuyến	12/03/1967	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1225	Vũ Đình Khích	01/10/1966	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1226	Vũ Xuân Thanh	15/8/1974	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1227	Đỗ Trung Kiên	07/9/1990	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1228	Vũ Ngọc Dung	19/2/2006	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1229	Phạm Ngọc Tuấn	26/12/1969	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1230	Nguyễn Thị Lụa	07/10/1968	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1231	Đào Thị Diệt	01/01/1937	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1232	Vũ Thị Cát	01/01/1940	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1233	Vũ Thị Tươi	06/7/1963	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1234	Vũ Thị Đào	01/01/1932	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1235	Vũ Thị Non	01/01/1931	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1236	Chu Thị Ngọt	01/01/1933	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1237	Vũ Đình Minh	01/01/1937	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1238	Lê Thị Vân	12/10/1958	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1239	Trần Thị Nõn	01/01/1946	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1240	Vũ Bá Côn	11/11/1946	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1241	Phạm Ngọc Quảng	15/08/1946	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1242	Vũ Thị Kim	01/01/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1243	Trần Thị Phú	11/05/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1244	Vũ Thị Thắm	26/02/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1245	Phạm Minh Đức	20/06/1948	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1246	Trần Đức Thiện	10/10/1948	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1247	Vũ Hữu Phú	04/04/1949	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1248	Hoàng Thị Thanh	02/03/1949	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1249	Vũ Văn Xuyên	26/03/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1250	Trần Duy Thái	10/05/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1251	Phạm Ngọc Sáng	01/05/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1252	Vũ Thị Thái	10/04/1946	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1253	Trần Thị Hiện	13/05/1946	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1254	Vũ Đình Tuân	01/07/1946	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1255	Vũ Thị Hiên	01/01/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1256	Nguyễn Thị Tâm	01/01/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1257	Vũ Quang Hải	01/06/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1258	Nguyễn Thị Hợi	16/01/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1259	Vũ Văn Thông	10/09/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1260	Vũ Thị Chúc	01/01/1948	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1261	Phạm Thị Phượng	01/08/1948	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1262	Nguyễn Thị Lập	01/01/1949	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1263	Vũ Xuân Năm	01/01/1948	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1264	Ngô Thị Loan	23/02/1949	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

1265	Tô Hoài Tưởng	01/03/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1266	Trần Thị Giàng	01/03/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1267	Phạm Thị Chế	01/01/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1268	Nguyễn Thị Lệ	13/07/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1269	Vũ Thị Báu	01/01/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1270	Vũ Hữu Quế	01/01/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1271	Trần Văn Khanh	24/02/1948	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1272	Nguyễn Thị Tính	25/10/1949	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1273	Nguyễn Thị Thảo	03/08/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1274	Vũ Thị Chặn	05/07/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1275	Phạm Thị Quế	01/01/1949	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1276	Trần Hải Hùng	05/07/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1277	Phạm Văn Chinh	29/11/1948	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1278	Vũ Thị Ngạn	01/01/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1279	Triệu Quang Cống	20/04/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1280	Trần Văn Thoa	24/05/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1281	Đặng Thị Đát	01/06/1946	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1282	Hoàng Văn Hỗ	27/07/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1283	Trần Văn Tiền	02/03/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1284	Phạm Thị Ca	01/02/1948	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1285	Vũ Thị Lộc	01/01/1948	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1286	Vũ Xuân Két	01/01/1949	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1287	Nguyễn Văn Phương	01/08/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1288	Vũ Đình Chuông	03/05/1948	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1289	Tô Văn Lụa	10/10/1948	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1290	Nguyễn Thị Thịnh	08/03/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1291	Trần Trọng Hiền	01/04/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1292	Nguyễn Thị Tấn	01/01/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1293	Trần Mạnh Hùng	01/02/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1294	Vũ Thị Lợi	04/08/1949	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1295	Nguyễn Thị Liên	11/01/1949	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1296	Trần Văn Biên	11/02/1946	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1297	Trần Tuấn Khương	27/01/1962	Thôn Cậy	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1298	Trần Thị Xoan	18/3/1976	Thôn Cậy	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1299	Hoàng Đức Hiển	10/10/1962	Thôn Cậy	Bình Giang	Chăm sóc: Một trẻ em KT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1300	Nguyễn Thị Hường	19/05/1981	Thôn Cậy	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1301	Phạm Thị Xuất	10/7/1960	Thôn Cậy	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1302	Đỗ Thị Bột	8/10/1968	Thôn Cậy	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1303	Phạm Thị Đàm	20/8/1964	Thôn Cậy	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1304	Vũ Xuân Vinh	10/12/1972	Thôn Cậy	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1305	Hoàng Thị Sản	20/5/1957	Thôn Cậy	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1306	Tô Thị Cốm	1/1/1965	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1307	Trần Quang Huy	10/9/2021	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1308	Nguyễn Hải An	25/5/1945	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1309	Vũ Thị Phận	01/01/1930	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1310	Vũ Thị Dợ	02/02/1937	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1311	Vũ Thị Gối	13/04/1939	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

1312	Phạm Thị Khánh	08/09/1935	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1313	Vũ Thị Kẹo	01/01/1931	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1314	Vũ Thị À	1/1/1937	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1315	Trần Thị Cửu	01/01/1935	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1316	Nguyễn Hữu Sơn	1/1/1942	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1317	Vũ Thị Phăn	01/01/1942	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1318	Nguyễn Văn Lập	01/01/1936	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1319	Vũ Đình Nguyên	01/01/1933	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1320	Phạm Văn Châu	16/02/1939	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1321	Hoàng Thị Nước	01/01/1941	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1322	Trần Thị Chép	19/07/1942	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1323	Vũ Thị Bạn	1/1/1931	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1324	Trần Trọng Đinh	10/8/1932	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1325	Phạm Văn Sĩ	4/4/1933	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1326	Trần Thị Nở	10/7/1934	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1327	Vũ Bá Quần	10/7/1937	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1328	Vũ Hữu Triệu	1/1/1936	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1329	Phạm Thị Thoa	1/1/1938	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1330	Vũ Thị Nhỡ	1/1/1933	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1331	Trần Thị Là	2/7/1939	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1332	Vũ Thị Nhàn	1/1/1940	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1333	Nguyễn Thị Mùng	6/10/1940	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1334	Phạm Văn Đinh	1/1/1941	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1335	Phạm Thị Gái	10/11/1940	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1336	Vũ Thị Hải	5/8/1942	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1337	Trần Thị Phú	01/01/1943	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1338	Vũ Thị Nga	1/1/1944	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1339	Vũ Xuân Hề	1/1/1926	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1340	Vũ Bá Tái	01/01/1942	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1341	Phạm Thị Lộc	15/06/1942	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1342	Vũ Thị Bèo	1/1/1931	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1343	Vũ Thị Quén	01/01/1938	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1344	Đỗ Văn Lai	10/7/1940	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1345	Hoàng Thị Lịch	20/05/1941	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1346	Tô Đức Tịnh	10/05/1934	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1347	Hoàng Thị Nhàn	01/01/1937	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1348	Vũ Đình Y	1/1/1939	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1349	Phạm Thị Tinh	1/1/1939	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1350	Trần Duy Thoa	02/03/1943	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1351	Phạm Ngọc Châm	02/07/1939	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1352	Tô Hoài Ninh	01/01/1937	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1353	Lê Thị Đang	1/1/1933	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1354	Phạm Thị Quý	20/03/1940	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1355	Trần Trọng Quế	20/02/1945	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1356	Phạm Hồng Thơ	15/02/1945	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1357	Hoàng Thị Tường	01/11/1944	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1358	Nguyễn Thị Là	01/01/1933	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

1359	Vũ Bá Tương	15/01/1939	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1360	Nguyễn Thị Tơ	01/01/1942	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1361	Trần Thị Hồng	01/01/1935	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1362	Vũ Đình Ấm	1/1/1930	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1363	Nguyễn Quốc Thịnh	10/07/1940	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1364	Vũ Bá Ngọ	01/04/1942	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1365	Hoàng Văn Lợi	01/01/1937	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1366	Trần Văn Tính	01/01/1942	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1367	Vũ Xuân Toàn	01/01/1937	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1368	Hoàng Thị Kỳ	18/09/1940	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1369	Tô Văn Sợi	30/04/1941	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1370	Hoàng Thị Đoan	02/07/1941	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1371	Trần Thị Chào	25/07/1931	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1372	Phạm Thị Nhẫn	1/1/1928	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1373	Trần Thị Tươi	01/01/1944	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1374	Tô Thị Linh	1/1/1933	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1375	Hoàng Thị Hiếu	01/01/1931	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1376	Vũ Thị Vòng	1/1/1942	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1377	Trần Thị Trũn (Tròn)	10/7/1935	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1378	Vũ Thị Thái	10/01/1942	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1379	Phạm Thị Gái	1/1/1940	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1380	Phạm Thị Yến	20/01/1938	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1381	Phạm Văn Hảo	17/08/1940	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1382	Vũ Đình Lộc	08/07/1934	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1383	Tô Thị Bo	04/01/1936	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1384	Vũ Thị Gái	20/10/1938	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1385	Phạm Thị Vinh	11/04/1964	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1386	Nguyễn Hữu Huy	7/3/1962	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1387	Phạm Thị Hội	01/01/1941	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1388	Trần Thị Hòa	14/08/1960	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1389	Nguyễn Xuân Kiên	29/11/2007	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1390	Huỳnh Văn Hường	12/12/2003	Bá Hợp	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1391	Vũ Đình Cường	16/11/1985	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1392	Vũ Xuân Hiệu	08/12/1998	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1393	Tô Thị Lý	09/01/1965	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1394	Trần Thị Chép	1/1/1962	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1395	Triệu Thị Khang	16/5/1959	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1396	Vũ Xuân Tiến	01/01/1957	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1397	Vũ Thị Mận	01/01/1937	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1398	Đỗ Thị Thanh	25/08/1958	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1399	Nguyễn Thị Đức	01/01/1952	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1400	Vũ Thị Thời	1/1/1944	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1401	Trần Thị Hảo	15/07/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1402	Trần Thị Thìn	01/01/1938	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1403	Đỗ Thị Thuận	1/1/1952	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1404	Tô Văn Mão	01/01/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1405	Trần Thị Ngà	01/01/1957	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)

1406	Phạm Thị Nụ	01/01/1942	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1407	Vũ Thị Toan	10/11/1963	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1408	Tô Thị Đàm	24/12/1940	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1409	Nguyễn Thị Nghiêm	1/4/1955	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1410	Vũ Thị Phượng	23/04/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1411	Vũ Bá Nghiêm	07/11/1962	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1412	Vũ Thị Quý	06/06/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1413	Vũ Thị Tuất	16/02/1958	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1414	Phạm Văn Giang	10/08/1956	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1415	Phạm Hồng Ngọc	13/03/1961	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1416	Trần Thị Xanh	1/1/1959	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1417	Trần Thị Thi	25/06/1954	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1418	Ngô Thị Hà	05/05/1952	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1419	Vũ Văn Quý	14/01/1958	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1420	Vũ Đình Đại	1/1/1961	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1421	Trần Duy Thành	20/10/1946	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1422	Trần Văn Thuận	28/10/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1423	Phạm Thị Linh	01/01/1956	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1424	Trần Việt Dũng	04/07/2010	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1425	Vũ Phương Uyên	13/01/2013	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000		Kinh (Việt)
1426	Triệu Quang Huy	18/08/2006	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1427	Trần Gia Bảo	13/10/2009	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1428	Trần Huy Đăng	11/1/2016	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1429	Triệu Quang Quân	09/11/2011	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1430	Vũ Nguyễn Công Hoan	06/06/2009	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1431	Trần Trọng Bình Minh	30/9/2014	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1432	Trần Trọng Minh Khang	27/12/2021	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1433	Vũ Bá Hợi	12/05/1970	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1434	Vũ Thị Vân	25/02/1986	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1435	Vũ Thị Xoa	11/06/1983	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1436	Phạm Thị Vinh	07/06/1955	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1437	Trần Duy Ngọ	01/08/1990	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1438	Mai Thị Sen	12/03/1994	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1439	Hoàng Hữu Duy	06/01/1998	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1440	Đỗ Thị Ngoan	25/12/1979	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1441	Trần Vũ Thị Mai	06/7/2000	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1442	Phạm Văn Việt	10/06/1992	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1443	Hoàng Thị Phương Anh	08/02/1999	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1444	Phạm Thị Dung	04/12/1975	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1445	Vũ Đình Lập	19/07/1974	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1446	Trần Duy Tuấn	03/08/1993	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1447	Trần Thị Tươi	13/10/1964	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1448	Tô Đức Sinh	04/04/1965	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1449	Vũ Thị Liên	03/11/1975	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1450	Vũ Văn Hiếu	20/11/1987	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1451	Nguyễn Văn Dũng	27/03/1987	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1452	Phạm Văn Hiệu	27/01/2001	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)

1453	Nguyễn Thị Vân Anh	13/02/2007	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1454	Trần Văn Tuyến	13/11/1994	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1455	Vũ Thị Nhiên	02/09/2006	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1456	Nguyễn Đức Đạo	10/08/1986	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1457	Vũ Văn Việt	16/04/1980	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1458	Vũ Văn Dương	11/09/1989	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1459	Trần Duy Tân	08/11/1991	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1460	Trần Thị Lan	10/10/1968	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1461	Vũ Văn Phóng	02/02/1980	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1462	Hoàng Tiến Anh	05/03/2006	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1463	Nguyễn Thị Quỳ	08/04/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 60-80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc có nhưng chết/mất tích/lv hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1464	Phạm Thị Ngoan	10/10/1956	Thôn Cậy	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 60-80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc có nhưng chết/mất tích/lv hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1465	Trần Thị Tâm	18/09/1948	Thôn Cậy	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 60-80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc có nhưng chết/mất tích/lv hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1466	Phạm Thị Nhâm	15/10/1936	Thôn Cậy	Bình Giang	NQ 01. NCT từ 80 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo, không có lương hưu, trợ cấp BHXH, ưu đãi NCC hàng tháng, không vợ/chồng, con hoặc chết/mất tích/lv hôn hoặc đang hưởng TCXH hàng tháng	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1467	Lương Thị Mai	01/01/1954	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1468	Vũ Thị Dung	15/03/1991	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1469	Trần Trọng Sự	04/11/1944	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1470	Phạm Văn Sơn	23/11/1953	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1471	Vũ Đình Sơn	15/9/1949	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1472	Phạm Văn Hồng	5/8/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1473	Phạm Thị Ưa	18/10/1954	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1474	Nguyễn Đình Thanh	20/10/2064	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1475	Phạm Phú Thu	20/08/1947	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1476	Phạm Thị Tâm	07/06/1950	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1477	Nguyễn Thị Lánh	01/01/1950	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1478	Trần Bá Lai	10/06/1949	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1479	Vũ Thị Luyến	01/01/1950	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1480	Lê Đức Luân	18/09/1949	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1481	Đào Thị Ngoan	01/01/1947	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1482	Vũ Đức Yến	01/02/1949	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1483	Lê Thị Hợi	01/01/1947	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1484	Bùi Thị Quyên	01/08/1945	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1485	Phạm Đình Tôn	02/01/1966	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1486	Nguyễn Thị Sao	01/01/1960	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1487	Đào Huy Sơn	22/02/1959	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1488	Trần Văn Bừng	01/07/1970	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1489	Bùi Thị Lỗi	01/01/1956	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1490	Bùi Đình Hưng	10/10/1976	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1491	Vũ Thị Vững	08/08/1972	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1492	Vũ Văn Hạnh	10/01/1971	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1493	Nguyễn Thị Thoa	01/01/1955	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1494	Vũ Văn Ngoạn	06/11/1975	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1495	Bùi Thị Quyên	01/08/1945	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1496	Vũ Gia Điềm	15/01/1959	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1497	Đinh Thị Mẽ	01/07/1957	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1498	Vũ Văn Lộc	18/11/2008	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1499	Vũ Thị Mĩn	01/01/1942	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

1500	Vũ Gia Nam	01/01/1944	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1501	Vũ Đức Thạo	01/01/1938	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1502	Vũ Thị Vênh	01/01/1941	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1503	Hoàng Thị Mơ	01/01/1941	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1504	Vũ Thị Lên	02/10/1943	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1505	Trần Thị Quá	23/04/1941	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1506	Phạm Thị Mượi	01/01/1933	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1507	Vũ Thị Oàn	01/01/1941	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1508	Phạm Thị Hòa	01/01/1940	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1509	Trần Thị Vạn	01/01/1944	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1510	Lê Thị Sén	01/01/1939	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1511	Nguyễn Đình Đài	01/01/1931	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1512	Hoàng Thị Vẹn	01/01/1938	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1513	Phạm Thị Luyến	20/06/1941	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1514	Nguyễn Thị Thỳ	01/01/1941	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1515	Phạm Thị Hóa	01/01/1934	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1516	Đào Thị Kiểm	01/01/1945	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1517	Bùi Thị Thịnh	01/01/1945	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1518	Bùi Thị Liễu	01/01/1944	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1519	Nguyễn Thị Văn	01/01/1945	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1520	Đào Huy Tam	10/08/1943	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1521	Đoàn Thị Chà	01/01/1942	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1522	Nguyễn Đình Chinh	24/03/1934	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1523	Bùi Thị Quánh	25/08/1928	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1524	Vũ Thị Gái	01/01/1941	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1525	Bùi Thị Hoạt	01/01/1923	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1526	Nguyễn Thị Lơi	01/04/1941	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1527	Nguyễn Quang Đát	05/10/1941	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1528	Nguyễn Thị Lượt	01/01/1970	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1529	Vũ Thị Tý	01/01/1939	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1530	Phạm Thị Khải	08/10/1938	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1531	Đào Thị Tân	17/07/1995	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1532	Trần Thị Lẫy	01/01/1976	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1533	Vũ Văn Ninh	06/09/1990	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1534	Vũ Văn Bằng	01/10/1973	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1535	Phạm Đình Tua	13/06/1963	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1536	Trần Bá Thùy	01/09/1950	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1537	Lê Đức Guộc	20/06/1958	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1538	Vũ Văn Nhị	01/12/1961	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1539	Vũ Thị Nhi	25/08/1938	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1540	Phạm Thị Hệ	01/01/1951	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1541	Phạm Đình Dữa	01/01/1956	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1542	Bùi Thị Nghính	01/01/1944	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1543	Đoàn Thị Tài	01/01/1940	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1544	Nguyễn Thị Khắp	01/01/1960	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1545	Lê Đức Ấm	08/05/1950	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1546	Phạm Thị The	23/3/1964	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)

1547	Lê Đức Nữa	10/05/1940	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1548	Đào Thị Dân	01/01/1953	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1549	Đoàn Thị Lừng	01/01/1955	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1550	Vũ Văn Nếp	01/01/1947	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1551	Vũ Nguyễn Khánh Đan	22/11/2010	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1552	Đào Huy Cường	24/06/2016	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1553	Vũ Đức Việt	01/06/2015	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1554	Trần Bá Đời	08/01/1964	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1555	Vũ Đức Vinh	04/08/1990	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1556	Nguyễn Thị Liễu	01/01/1968	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1557	Nguyễn Thị Ngọc Anh	27/04/1992	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1558	Vũ Xuân Học	04/02/2005	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1559	Vũ Thị Hoàn	01/01/1978	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1560	Đào Huy Thắng	23/10/1992	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1561	Nguyễn Đình Muôn	20/06/1976	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1562	Đào Huy Hữu	14/04/1974	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1563	Lê Thị Êm	01/01/1974	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1564	Vũ Đức Phường	10/02/1985	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1565	Nguyễn Đình Hiệp	10/06/1993	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1566	Vũ Văn Linh	01/12/1986	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1567	Đào Thị Thiềm	13/12/1968	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1568	Vũ Văn Soi	15/06/1964	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1569	Bùi Thị Hương	14/07/2005	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1570	Đào Thị Khới	12/02/1973	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1571	Đào Huy Tràng	21/03/1965	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1572	Bùi Văn Tầm	10/05/1990	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1573	Vũ Thị Phen	01/01/1949	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1574	Bùi Đình Minh	15/05/1957	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1575	Đào Thị Ngừng	07/10/1954	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1576	Phạm Thị Phánh	12/01/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1577	Vũ Thị Bé	01/01/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1578	Nguyễn Thị Quýt	14/10/1949	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1579	Vũ Xuân Thì	12/09/1949	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1580	Trần Thị Bình	09/04/1948	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1581	Trần Văn Tín	10/05/1948	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1582	Nguyễn Thị Lứa	01/01/1947	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1583	Vũ Văn Sành	20/06/1946	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1584	Dương Thị Xuyến	28/02/1946	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1585	Lâm Thị Mai	16/03/1954	Bến Nứa	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1586	Nguyễn Văn Mây	20/04/1946	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1587	Trần Thị Vần	01/06/1949	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1588	Phạm Thị Liêm	01/01/1949	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1589	Nguyễn Văn Sậu	01/10/1948	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1590	Nguyễn Thị Lâu	17/05/1947	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1591	Nguyễn Văn Chi	06/03/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1592	Vũ Thị Dừa	01/01/1948	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1593	Trần Văn Vững	17/04/1975	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)

1594	Phạm Thị Trang	6/7/1988	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1595	Vũ Thị Trinh	2/12/1951	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1596	Trần Thị Tờ	18/6/1960	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1597	Phạm Thị Hằng	8/11/1975	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1598	Phạm Thị Lan	04/12/1959	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1599	Trần Xuân Phong	10/8/1958	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1600	Nguyễn Văn Kha	28/101981	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1601	Bùi Thị Khuyên	15/3/1985	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1602	Nguyễn Thị Sen	4/3/1936	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1603	Hà Thị Mau	01/01/1931	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1604	Lê Văn Tọa	1/1/1937	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1605	Phạm Thị Hạnh	1/1/1939	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1606	Nguyễn Thị Châu	1/1/1937	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1607	Nguyễn Thị Đỗ	1/1/1940	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1608	Nguyễn Văn Dệu	7/10/1932	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1609	Nguyễn Thị Gái	6/1/1942	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1610	Nguyễn Thị Tám	01/01/1944	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1611	Đỗ Thái Thăng	25/02/1944	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1612	Nguyễn Thị Tý	6/10/1941	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1613	Nguyễn Thị Thưng	01/01/1938	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1614	Nguyễn Ngọc Lan	15/10/1942	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1615	Lê Thị Mầu	01/07/1943	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1616	Vũ Thị Hợp	18/07/1957	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1617	Đỗ Thị Tám	1/1/1934	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1618	Vũ Xuân Đặng	1/1/1955	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1619	Trần Hoàng Lân	27/07/2008	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1620	Trần Việt Thanh	6/4/2001	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1621	Lê Thị Bé	6/1/1956	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1622	Lê Thị Ngọt	3/2/1943	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1623	Hà Thị Đoan	28/01/1954	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1624	Trần Văn Chúc	9/11/1946	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1625	Vũ Thị Đàm	1/5/1928	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1626	Vũ Thị Năm	10/4/1944	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1627	Phạm Thị Xá	11/5/1962	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1628	Vũ Thị Xuân	1/1/1954	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1629	Bùi Thị Đào	1/1/1940	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1630	Bùi Văn Quảng	20/10/1961	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1631	Đỗ Văn Xuân	20/12/1955	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1632	Vũ Xuân Đĩnh	1/1/1940	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1633	Đỗ Thị Sáng	1/1/1961	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1634	Lê Thị Gái	1/5/1942	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1635	Nguyễn Văn Bát	10/1/1943	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1636	Hoàng Thị Huyền	1/10/1945	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1637	Lê Thị Linh	7/4/1954	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1638	Nguyễn Thị Xúy	1/1/1941	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1639	Vũ Thị Tèo	20/01/1942	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1640	Phạm Thị Mong	15/10/1954	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)

1641	Vũ Thị Miến	1/1/1962	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1642	Trần Thị Cử	01/11/1962	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1643	Phạm Thị Uyên	20/8/1964	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1644	Nguyễn Văn Mạnh	01/01/1960	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1645	Sầm Thị Kim Lanh	30/06/2009	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1646	Vũ Mạnh Khôi	25/02/2014	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1647	Nguyễn Duy Khoa	30/11/2014	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1648	Bùi Thị Kim Phượng	07/06/2009	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1649	Nguyễn Thị Thảo Hiên	16/8/2013	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1650	Trần Văn Nhã	24/06/1988	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1651	Nguyễn Hồng Phong	7/4/2003	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1652	Trần Văn Mừng	18/7/1971	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1653	Trần Văn Nhiệm	23/04/1981	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1654	Nguyễn Văn Thù	5/5/1971	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1655	Vũ Thị Nga	11/5/2006	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1656	Vũ Thị Vân	13/03/1983	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1657	Vũ Thị Hạnh	1/7/1981	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1658	Nguyễn Văn Thời	27/07/1967	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1659	Đỗ Thị Hạnh	12/9/1974	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1660	Hoàng Thị Xuyến	10/01/1972	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1661	Bùi Thị Yến	06/02/1984	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1662	Trần Văn Phường	20/8/1961	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1663	Bùi Thị Phòng	06/7/1953	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1664	Vũ Thị Thơm	05/10/1955	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1665	Nguyễn Quốc Vương	08/6/1968	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1666	Đỗ Thị Khánh	29/7/1986	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1667	Đỗ Văn Tần	17/3/1963	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1668	Nguyễn Thị Thoa	01/01/1963	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1669	Trần Thị Thú	01/01/1948	Bì Đỏ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1670	Nguyễn Thị Khau	12/08/1950	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1671	Lâm Minh Trương	20/08/1948	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1672	Trần Thị Rùa	04/09/1950	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1673	Phạm Văn Hoạt	04/09/1950	Bì Đỏ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1674	Phạm Thị Sửu	01/01/1949	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1675	Tô Minh Bảo Lâm	7/22/2020	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1676	Trần Duy Dương	6/12/1973	Thôn Cậy	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1677	Vũ Thị Vuông	01/01/1932	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1678	Nguyễn Thị Liền	01/01/1938	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1679	Nguyễn Thị Vì	01/01/1949	Tân Hưng	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1680	Nguyễn Thị Phương	01/01/1958	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1681	Lâm Thị Măng	01/03/1938	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1682	Nguyễn Thị Thu Trang	10/29/1999	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1683	Hoàng Thị Lựu	4/15/1935	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1684	Phạm Đức Đen	8/4/1962	Bì Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1685	Nguyễn Thị Chất	10/9/1938	Bì Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1686	Nguyễn Thị Kiểm	3/10/1939	Bì Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1687	Nguyễn Văn Khoát	6/14/1959	Bì Đỏ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)

1688	Phạm Văn Tiến	10/20/1957	Bì Đổ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1689	Phạm Thị Liu	02/08/1945	Bì Đổ	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1690	Trần Quốc Lưỡng	7/18/1941	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1691	Vũ Thị Luyến	05/08/1959	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1692	Vũ Thị Đua	20/08/1975	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1693	Vũ Đình Hứng	12/03/1958	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1694	Vũ Đình Dũng	01/01/1948	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1695	Phạm Thị Thìn	01/10/1950	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1696	Bùi Thị Dòng	05/10/1950	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1697	Phạm Văn Hưng	05/10/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1698	Trần Văn Tầu	09/10/1950	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1699	Đỗ Thị Hồi	15/10/1950	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1700	Nguyễn Thị Hòa	10/10/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1701	Phạm Thị Chung	10/10/1950	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1702	Nguyễn Thị Bài	15/10/1950	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1703	Mầu Mạnh Hùng	15/09/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1704	Lê Thị Thảo	20/8/1945	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1705	Nguyễn Thị Viễn	07/6/1945	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1706	Nguyễn Hữu Ân	03/10/2011	Lôi Trì	Bình Giang	Trẻ em từ 4 đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	1,050,000	Nam	Kinh (Việt)
1707	Đỗ Thị Thơm	21/10/1950	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1708	Phạm Thị Hoàn	10/11/1950	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1709	Vũ Văn Đức	10/11/1955	Bến Nứa	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1710	Nguyễn Văn Đức	02/10/1950	Cam Xá	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1711	Lê Minh Sơn	17/3/2011	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1712	Lê Văn Tiệp	14/5/1983	Bằng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1713	Lê Thùy Thảo	04/08/2012	Lôi Trì	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1714	Đỗ Xuân Nghị	01/02/1948	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1715	Trần Thị Thân	01/01/1948	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1716	Dương Thị Quyến	05/01/1951	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1717	Phạm Hữu Thước	01/01/1951	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1718	Hoàng Thị Diện	01/01/1949	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1719	Vũ Thị Lụa	10/01/1947	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1720	Trần Thị Thơ	01/01/1951	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1721	Phạm Thị Quảng	13/01/1951	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1722	Phạm Thị Phê	01/01/1947	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1723	Phạm Văn Chiến	01/01/1946	Bì Đổ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1724	Nguyễn Thị Quý	01/01/1951	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1725	Vũ Thị Lan	01/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1726	Lưu Thị Thái	01/01/1951	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1727	Vũ Thị Bé	01/01/1953	Bình An	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1728	Vũ Thị Kiều	20/01/1951	Lôi Trì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1729	Phạm Thị Là	01/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1730	Vũ Thị Mão	01/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1731	Vũ Thị Toan	01/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1732	Nguyễn Tiến Bộ	01/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1733	Ngô Thị Lâu	01/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1734	Vũ Thị Cười	01/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)

1735	Phạm Xuân Thảo	27/01/1951	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1736	Vũ Xuân Phiên	01/09/1944	Tân Hưng	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1737	Vũ Thị Nhớn	01/01/1931	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1738	Vũ Thị Năm	03/02/1957	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1739	Vũ Thị Nụ	04/11/1952	Bến Nứa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1740	Trần Xuân Tình	21/09/1947	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1741	Vũ Thị Lệ	10/09/1959	An Phú	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1742	Nguyễn Thị Tách	23/03/1927	Lôi Trì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1743	Vũ Thị Phượng	23/03/2000	Hạ Bì	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1744	Nguyễn Thị Kha	06/09/1929	Bì Đổ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1745	Nguyễn Vũ Khánh Linh	15/09/2020	Bì Đổ	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1746	Nguyễn Văn Đô	01/01/1962	Cam Xá	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nam	Kinh (Việt)
1747	Hoàng Việt Anh	25/9/2016	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1748	Vũ Thị Hoà	01/01/1954	Thôn Cậy	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1749	Phạm Xuân Hiển	01/01/1959	Bằng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1750	Đặng Anh Phúc	24/08/1975	Bằng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1751	Vũ Thị Thơ	12/10/1965	Bình An	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1752	Triệu Thị Goòng	01/01/1968	Bằng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1753	Nguyễn Thị Thơ	01/01/1954	Hạ Bì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1754	Nguyễn Văn Biểu	10/04/1964	Bì Đổ	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1755	Nguyễn Văn Lương	17/09/1992	Bì Đổ	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1756	Nguyễn Thị Son	01/12/1971	Lôi Trì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1757	Trần Trúc Linh	26/02/2008	Phú Đa	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Kinh (Việt)
1758	Vũ Thị Nở	01/01/1951	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1759	Trần Thị Để	01/01/1951	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1760	Vũ Thị Chanh	01/01/1951	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1761	Hà Thị Xuân	05/01/1951	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1762	Đỗ Văn Quyết	10/02/1951	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1763	Vũ Thị Hồi	01/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1764	Vũ Thị Trinh	12/02/1951	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1765	Vũ Đình Tuyến	01/01/1951	Tân Hưng	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1766	Vũ Đình Ương	01/01/1955	Tân Hưng	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1767	Vũ Thị Chiên	01/01/1956	Tân Hưng	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1768	Trần Đình Vân	01/01/1956	Lý Đò	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1769	Hà Thị Nụ	01/01/1951	Phú Đa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1770	Nguyễn Văn Vỹ	01/01/1956	Hạ Bì	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1771	Nguyễn Văn Mì	05/03/1951	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1772	Vũ Thế Lương	12/03/1952	Thôn Cậy	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1773	Vũ Văn Tỵ	20/10/1953	Thôn Cậy	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1774	Trần Thị Cư	12/01/1952	Thôn Cậy	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1775	Phạm Thị Tốt	01/01/1951	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1776	Nguyễn Thị Đêm	01/01/1936	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1777	Vũ Thị Quỳnh	01/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1778	Trần Văn Nhân	11/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1779	Phạm Thị Đỡ	14/10/1952	Bì Đổ	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1780	Vũ Thị Gái	01/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1781	Trần Vương Quỳnh	06/03/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)

1782	Đỗ Thị Tiến	02/02/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1783	Vũ Văn Tỉnh	06/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1784	Vũ Thị Tơ	01/01/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1785	Lê Thị Băng	06/01/1951	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1786	Vũ Thị Bài	01/01/1951	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1787	Đỗ Xuân Ba	01/01/1951	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1788	Vũ Phú Quốc	10/04/1951	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1789	Đỗ Văn Gã	05/01/1956	Bá Hợp	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1790	Chu Đăng Văn	03/04/1951	Bình An	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1791	Trần Thị Thái	24/08/1952	Thôn Cậy	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1792	Nguyễn Đình Tầu	04/04/1951	Hạ Bì	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1793	Lê Thị Hương	11/04/1951	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1794	Vũ Đình Khang	05/05/1953	Thôn Cậy	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1795	Nguyễn Xuân Cộng	10/03/1956	Phú Đa	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1796	Nguyễn Văn Thăng	04/04/1948	An Phú	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1797	Vũ Thị Sang	12/07/1954	Bá Hợp	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1798	Trần Thị Mơ	30/03/1951	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1799	Nguyễn Văn Đài	15/04/1951	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1800	Vũ Văn Khảng	20/04/1951	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1801	Lê Thị Gái	01/01/1953	Bá Hợp	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1802	Vũ Đức Thành	04/4/1951	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1803	Vũ Đình Vui	01/3/1950	Lý Đò	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1804	Vũ Quý Nhận	23/03/1980	Lôi Trì	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1805	Nguyễn Văn Thao	15/08/1969	Bá Hợp	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1806	Nguyễn Thị Bình	07/05/1956	Tân Hưng	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1807	Nguyễn Thị Dung	12/04/1963	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1808	Vũ Thị Ngoan	17/12/1984	Lôi Trì	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1809	Phạm Văn Chuyên	26/10/1966	Bì Đỗ	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1810	Vũ Thị Khương	13/07/1985	Cam Xá	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1811	Phạm Văn Nhung	04/07/1959	Bì Đỗ	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1812	Nguyễn Đình Vĩnh	18/05/1975	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1813	Phạm Thị Huyền	17/02/1975	Bì Đỗ	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1814	Trần Thị Ngọc	10/06/1990	Bến Nứa	Bình Giang	Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 03 con	2,100,000	Nữ	Kinh (Việt)
1815	Vũ Thị Ngọc	20/06/1993	Thôn Cậy	Bình Giang	Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 01 con	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1816	Đào Thị Ngoạt	02/02/1995	Bì Đỗ	Bình Giang	Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 01 con	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1817	Nông Thị Chuyền	09/01/1990	Bá Hợp	Bình Giang	NKT nặng từ 16-60 tuổi	1,050,000	Nữ	Tày
1818	Vũ Thị Lan	30/05/1955	Thôn Cậy	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1819	Phạm Văn Nghiệp	14/05/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1820	Lương Viết Bột	15/07/1952	Cam Xá	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1821	Vũ Thanh Thảo	12/09/2011	Bình An	Bình Giang	NKT nặng là trẻ em	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1822	Lê Văn Xuyên	01/04/1951	Bá Thuỷ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1823	Nguyễn Huy Tân	01/01/1956	Cam Xá	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1824	Nguyễn Xuân Cừ	14/04/1951	Bằng Giã	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1825	Nguyễn Thị Xim	01/01/1953	Hạ Bì		(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1826	Đặng Thị Hồng Mão	20/06/1951	Bằng Giã		NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1827	Vũ Thị Quý	14/07/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1828	Hà Thị Bền	30/12/1975	Bá Hợp	Bình Giang	Người đơn thân cận nghèo đang nuôi 02 con	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)

1829	Vũ Thị Mắc	01/07/1951	Bến Nứa	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1830	Nguyễn Thị Cách	20/06/1956	Bá Hợp	Bình Giang	(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1831	Nguyễn Văn Nha	20/07/1951	Thôn Ô Xuyên	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1832	Lê Thị Đổi	10/02/1951	Bá Hợp	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1833	Lê Thị Sáu	08/8/1934	Bá Hợp	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1834	Ngô Thị My	01/01/1945	Bằng Giã	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1835	Phạm Hữu Cường	25/5/1977	Bằng Giã	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nam	Kinh (Việt)
1836	Vũ Thị Mận	20/11/1962	Lý Đò	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1837	Trần Thị Chúc	01/01/1955	Lý Đò	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1838	Vũ Thị Năm	10/02/1959	Lý Đò	Bình Giang	NKT nặng là NCT	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1839	Vũ Thị Tôn	12/8/1957	Bến Nứa	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng là NCT	1,750,000	Nữ	Kinh (Việt)
1840	Hoàng Thị Hiền	01/01/1971	An Phú	Bình Giang	NKT đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	1,400,000	Nữ	Kinh (Việt)
1841	Vũ Thị Hứa	26/02/1962	Bến Nứa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1842	Lê Xuân Đạt	11/10/1971	An Phú	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1843	Trần Thị Linh	23/11/1977	Lý Đò	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1844	Đặng Thị Vỹ	29/01/1983	Bằng Giã	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1845	Nguyễn Thị Nhinh	24/05/1959	Bá Hợp	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1846	Hoàng Xuân Hậu	16/08/1972	Phú Đa	Bình Giang	Chăm sóc: Một NKT đặc biệt nặng	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1847	Vũ Thị Dưỡng	15/08/1951	Lý Đò	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1848	Nguyễn Thị Nam	15/08/1951	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1849	Vũ Thị Dáy	01/08/1951	Cam Xá	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1850	Vũ Thị Hải	01/08/1951	Thôn Cậy	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1851	Nguyễn Ngọc Phi	19/08/1951	Bi Đỏ	Bình Giang	NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1852	Nhữ Thị Bảo	15/08/1951	An Phú		NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1853	Nguyễn Đức Cậy	25/08/1951	Bến Nứa		NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1854	Vũ Phương Dục	05/09/1951	Bến Nứa		NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1855	Vũ Thị Hằng	05/09/1951	Lôi Trì		NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1856	Vũ Thị Chiều	10/09/1951	Thôn Ô Xuyên		NĐ 176	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1857	Vũ Đình Hoàng	14/09/1951	Tân Hưng		NĐ 176	700,000	Nam	Kinh (Việt)
1858	Vũ Thị Vân	20/09/1956	Bá Hợp		(NĐ176) Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, hoặc đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng	700,000	Nữ	Kinh (Việt)
1859	Đỗ Thị Xoa	24/06/1981	Bến Nứa		Người đơn thân nghèo đang nuôi 03 con	2,100,000	Nữ	Kinh (Việt)
1860	Vũ Đình Hải	21/07/1983	Bến Nứa		Người đơn thân nghèo đang nuôi 03 con	2,100,000	Nam	Kinh (Việt)
	Cộng: 1860					1,827,000,000		